



• **TÀI LIỆU TẬP HUẤN SGK**



MĨ THUẬT

LỚP 4



HÀ NỘI – 2023

MỤC LỤC

	Trang
I. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT CHƯƠNG TRÌNH MÔN MĨ THUẬT 2018	3
II. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH CẤP TIỂU HỌC VÀ CHƯƠNG TRÌNH LỚP 4	8
III. ĐẶC ĐIỂM NỘI DUNG, HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA MĨ THUẬT 4 VÀ YÊU CẦU TRONG DẠY HỌC HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC HỌC SINH	13
IV. GIỚI THIỆU GIÁO ÁN MINH HOẠ VÀ PHÂN TÍCH	21
V. MỘT SỐ TÀI LIỆU SỬ DỤNG TRONG DẠY HỌC VÀ THAM KHẢO, BỔ TRỢ	25
VI. GỢI Ý TỔ CHỨC DẠY HỌC BÀI HỌC TRONG SÁCH GIÁO KHOA MĨ THUẬT 4 VÀ ĐÁNH GIÁ TRONG DẠY HỌC	27

CHỮ VIẾT TẮT TRONG TÀI LIỆU

Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ	Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
DH	Dạy học	GV	Giáo viên
KHDH	Kế hoạch dạy học	HS	Học sinh
SGK	Sách giáo khoa	SGV	Sách giáo viên

MỤC TIÊU:

Sau khi tham dự tập huấn, Thầy/Cô sẽ nắm được một số điểm sau:

- Khái quát chung về Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 môn Mỹ thuật.
- Mục tiêu, yêu cầu cần đạt của Chương trình mỹ thuật cấp tiểu học (2018) và chương trình lớp 4.
- Đặc điểm nội dung, cách sử dụng SGK Mỹ thuật 4 và yêu cầu chung trong DH hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực HS.
- Xây dựng kế hoạch DH/giáo án Mỹ thuật 4 trong DH hình thành, phát triển phẩm chất HS.
- Đặc điểm nội dung tài liệu sử dụng trong DH và tham khảo, bổ trợ.
- Cách thức tổ chức DH nội dung bài học cụ thể trong SGK và đánh giá kết quả giáo dục.

NỘI DUNG

I. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT CHƯƠNG TRÌNH MÔN MĨ THUẬT 2018

1. Đặc điểm môn học

- Mĩ thuật là môn học thuộc lĩnh vực giáo dục nghệ thuật.
- Nội dung giáo dục mĩ thuật được phân chia theo hai giai đoạn: Giai đoạn giáo dục cơ bản và giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp.
- + Giai đoạn giáo dục cơ bản: Mĩ thuật là nội dung giáo dục bắt buộc từ lớp 1 đến lớp 9. Ở mỗi lớp, HS được học với thời lượng 35 tiết/năm học.
- + Giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp: Mĩ thuật là môn học được lựa chọn theo nguyện vọng và định hướng nghề nghiệp của HS. Ở mỗi lớp, HS được học với tổng thời lượng 105 tiết/năm học, trong đó 70 tiết là nội dung giáo dục lựa chọn theo định hướng nghề và 35 tiết là chuyên đề học tập.

2. Quan điểm xây dựng chương trình

Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 môn Mĩ thuật quán triệt quan điểm và các định hướng được nêu trong Chương trình tổng thể; đồng thời xuất phát từ đặc điểm môn học, nhấn mạnh một số quan điểm sau:

*Tạo cơ hội cho HS tiếp cận văn hoá, nghệ thuật dân tộc và thế giới trên cơ sở vận dụng những kiến thức cơ bản của mĩ thuật, kết hợp với khoa học giáo dục.

*Chương trình môn Mĩ thuật chọn lọc những kiến thức phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông, đặc điểm tâm – sinh lí lứa tuổi HS và điều kiện DH.

*Thông qua các nội dung, hình thức tổ chức DH, trên cơ sở bảo đảm các yêu cầu cần đạt, chương trình được thiết kế linh hoạt, có thể điều chỉnh phù hợp với các nhóm đối tượng HS, các cơ sở giáo dục và địa phương. Trong quá trình thực hiện, chương trình thường xuyên được cập nhật, phát triển phù hợp với sự phát triển nghệ thuật và yêu cầu của thực tiễn.

3. Mục tiêu chương trình

Chương trình môn Mĩ thuật giúp HS hình thành, phát triển năng lực mĩ thuật dựa trên kiến thức và kĩ năng mĩ thuật; nhận thức được mối quan hệ giữa mĩ thuật với đời sống, xã hội và các loại hình nghệ thuật khác; có ý thức trân trọng di sản văn hoá, nghệ thuật và khả năng ứng dụng kiến thức, kĩ năng mĩ thuật vào đời sống; có hiểu biết tổng quát về ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thị giác và khả năng định hướng được nghề nghiệp cho bản thân; trải nghiệm và khám phá mĩ thuật thông qua nhiều hình thức hoạt động; góp phần hình thành, phát triển các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm; các năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

4. Khái quát nội dung và yêu cầu cần đạt của chương trình

4.1. Nội dung chương trình

Chương trình môn Mĩ thuật phát triển hai mạch nội dung là *Mĩ thuật tạo hình* và *Mĩ thuật ứng dụng*, trong đó nền tảng kiến thức cơ bản dựa trên *yếu tố và nguyên lí tạo hình*. Các mạch nội dung này được thiết

kế theo hướng mở, việc xác định nội dung DH cụ thể và đánh giá kết quả học tập cần căn cứ vào nội dung các yêu cầu cần đạt quy định trong chương trình (theo mỗi khối, lớp).

Đối với *Cấp tiểu học*, nội dung giáo dục gồm: Lí luận và lịch sử mỹ thuật, Hội hoạ, Đồ hoạ, Điều khắc, Thủ công. Trong đó, nội dung Lí luận và lịch sử mỹ thuật được giới hạn trong phạm vi làm quen với tìm hiểu tác giả, sản phẩm, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật và được giới thiệu, lồng ghép trong thực hành, thảo luận nghệ thuật.

Đối với *Cấp trung học cơ sở*, nội dung giáo dục gồm: Lí luận và lịch sử mỹ thuật, Hội hoạ, Đồ hoạ, Điều khắc, Thiết kế công nghiệp, Thiết kế thời trang, Thiết kế đồ hoạ. Trong đó, nội dung Lí luận và lịch sử mỹ thuật được giới hạn trong phạm vi tìm hiểu tác giả, sản phẩm, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật và được giới thiệu, lồng ghép trong thực hành, thảo luận nghệ thuật.

Đối với *Cấp trung học phổ thông*, HS mỗi lớp 10, 11, 12 được lựa chọn 04 nội dung trong 10 nội dung bao gồm: Lí luận và lịch sử mỹ thuật, Hội hoạ, Đồ hoạ, Điều khắc, Thiết kế công nghiệp, Thiết kế thời trang, Thiết kế đồ hoạ, Thiết kế mỹ thuật sân khấu, Điện ảnh, Thiết kế mỹ thuật đa phương tiện, Kiến trúc. Trong đó, nội dung lí luận và lịch sử mỹ thuật vừa được thực hiện DH độc lập, vừa bảo đảm lồng ghép trong thực hành, thảo luận nghệ thuật.

1.3. Yêu cầu cần đạt của chương trình

Chương trình môn Mỹ thuật tập trung hình thành và phát triển ở HS *năng lực mỹ thuật*, biểu hiện của *năng lực thẩm mỹ trong lĩnh vực mỹ thuật*. Các thành phần của năng lực mỹ thuật gồm: *Quan sát và nhận thức thẩm mỹ*; *Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ*; *Phân tích và đánh giá thẩm mỹ*.

Dưới đây là bảng mô tả các biểu hiện cần đạt về năng lực mỹ thuật ở các cấp học:

Thành phần năng lực	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
QUAN SÁT VÀ NHẬN THỨC THẨM MỸ			
Quan sát thẩm mỹ	– Nhận biết được một số yếu tố thẩm mỹ cơ bản trong đời sống thực tiễn và ở sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật. – Nhận biết được một số yếu tố tạo hình ở đối tượng thẩm mỹ. – Nhận biết được dấu hiệu của một số nguyên lí tạo hình ở sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.	– Nhận biết được yếu tố thẩm mỹ trong đời sống. – Nhận biết được yếu tố, nguyên lí tạo hình ở đối tượng thẩm mỹ. – Nhận biết được giá trị thẩm mỹ ở sản phẩm, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật.	– Nhận biết được yếu tố thẩm mỹ đặc trưng của một số ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thị giác. – Nhận biết được giá trị thẩm mỹ của sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật đặc trưng một số ngành nghề, liên quan đến nghệ thuật thị giác.
Nhận thức thẩm mỹ	– Bước đầu cảm nhận được vẻ đẹp của đối tượng thẩm mỹ. – Nhận biết được chủ đề của sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.	– Cảm nhận được vẻ đẹp của đối tượng thẩm mỹ. – Nhận biết được ý tưởng thẩm mỹ của sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.	– Cảm nhận được yếu tố thẩm mỹ đặc trưng của một số ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thị giác. – Nhận biết được ý tưởng thẩm mỹ của sản phẩm, tác phẩm đặc trưng một số ngành

Thành phần năng lực	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
	– Bước đầu nhận biết được giá trị của sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật trong đời sống thực tiễn. – Biết liên tưởng về đẹp của đối tượng thẩm mỹ với thực hành sáng tạo.	– Nhận biết được giá trị của sản, tác phẩm mỹ thuật trong đời sống. – Biết liên hệ giá trị thẩm mỹ ở sản phẩm, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật với thực hành sáng tạo.	- nghề liên quan đến nghệ thuật thị giác. – Nhận biết được giá trị của sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật đặc trưng một số ngành nghề trong đời sống. – Liên hệ được yếu tố thẩm mỹ đặc trưng của một số ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thị giác với thực hành, sáng tạo.
SÁNG TẠO VÀ ỨNG DỤNG THẨM MỸ			
Sáng tạo thẩm mỹ	– Nêu được ý tưởng thể hiện đối tượng thẩm mỹ ở mức độ đơn giản. – Vận dụng được một số hình thức thực hành, sáng tạo thể hiện ý tưởng thẩm mỹ. – Vận dụng được một số yếu tố, nguyên lý tạo hình trong thực hành sáng tạo ở mức độ đơn giản. – Sử dụng được một số công cụ, thiết bị trong thực hành sáng tạo.	– Nêu được ý tưởng thể hiện đối tượng thẩm mỹ. – Lựa chọn được hình thức thực hành, sáng tạo thể hiện ý tưởng thẩm mỹ. – Vận dụng được một số yếu tố, nguyên lý tạo hình trong thực hành sáng tạo. – Sử dụng được một số công cụ, thiết bị công nghệ trong thực hành sáng tạo.	– Đề xuất được ý tưởng thể hiện đối tượng thẩm mỹ. – Lựa chọn được hình thức thực hành, sáng tạo thể hiện yếu tố thẩm mỹ đặc trưng một số ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thị giác. – Vận dụng được một số yếu tố, nguyên lý tạo hình trong thực hành, sáng tạo thể hiện yếu tố thẩm mỹ đặc trưng của một số ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thị giác. – Phối hợp sử dụng được công cụ, thiết bị công nghệ trong thực hành sáng tạo.
Ứng dụng thẩm mỹ	– Biết thể hiện tính ứng dụng của sản phẩm trong thực hành, sáng tạo ở mức độ đơn giản. – Biết trưng bày, giới thiệu được sản phẩm mỹ thuật của cá nhân và nhóm học tập. – Biết vận dụng sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật phục vụ cho học tập và đời sống.	– Thể hiện được tính ứng dụng của sản phẩm trong thực hành, sáng tạo. – Biết cách trưng bày, giới thiệu sản phẩm mỹ thuật của cá nhân và nhóm học tập. – Vận dụng được sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật phục vụ cho học tập và đời sống.	– Biết cách thể hiện được tính ứng dụng của sản phẩm trong thực hành, sáng tạo. – Biết cách truyền thông về sản phẩm mỹ thuật của cá nhân và nhóm học tập. – Vận dụng được ý tưởng thẩm mỹ, khả năng hiện thực hoá ý tưởng thẩm mỹ để sáng tạo sản phẩm nghệ thuật phục vụ cho học tập và đời sống.

Thành phần năng lực	Cấp tiểu học	Cấp trung học cơ sở	Cấp trung học phổ thông
PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ THẨM MỸ			
Phân tích thẩm mỹ	– Chia sẻ được cảm nhận về đối tượng thẩm mỹ ở mức độ đơn giản. – Biết tìm hiểu tác giả, sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật: – Mô tả được một số yếu tố, dấu hiệu của nguyên lí tạo hình ở sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật trong thực hành, thảo luận và liên hệ thực tiễn.	– Phân tích, chia sẻ được cảm nhận về đối tượng thẩm mỹ. – Biết cách thu thập và trình bày một số thông tin về tác giả, tác phẩm, trường phái, phong cách nghệ thuật. – Mô tả, phân tích được yếu tố, nguyên lí tạo hình ở sản phẩm, tác phẩm, phong cách, trường phái nghệ thuật trong thực hành, thảo luận và liên hệ thực tiễn.	– Phân tích được yếu tố thẩm mỹ đặc trưng một số ngành nghề trong thực tiễn, liên quan đến nghệ thuật thị giác. – Biết cách thu thập và trình bày một số thông tin về tác giả, tác phẩm đặc trưng một số ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thị giác. – Mô tả, phân tích được giá trị thẩm mỹ và công năng sử dụng của sản phẩm, tác phẩm đặc trưng của một số ngành nghề liên quan đến nghệ thuật thị giác trong thực tiễn đời sống. – Thể hiện được quan điểm cá nhân trong cảm thụ, phân tích nghệ thuật.
Đánh giá thẩm mỹ	– Bước đầu đánh giá được đối tượng thẩm mỹ thông qua một số yếu tố và nguyên lí tạo hình. – Bước đầu học hỏi được kinh nghiệm thực hành sáng tạo thông qua đánh giá đối tượng thẩm mỹ.	– Đánh giá được đối tượng thẩm mỹ thông qua yếu tố và nguyên lí tạo hình. – Học hỏi được kinh nghiệm thực hành sáng tạo thông qua đánh giá đối tượng thẩm mỹ.	– Đánh giá được một số yếu tố thẩm mỹ thể hiện đặc trưng ngành nghề ở sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật thị giác. – Biết vận dụng vào thực tiễn kinh nghiệm thực hành sáng tạo học hỏi được thông qua đánh giá đối tượng thẩm mỹ.

5. Phương pháp giáo dục

5.1 Định hướng chung

Phương pháp giáo dục trong Chương trình môn Mỹ thuật phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của người học, trong đó nhấn mạnh những yêu cầu sau:

a) Tích hợp, lồng ghép nội dung lí thuyết trong thực hành, thảo luận; kết hợp liên hệ kiến thức, kĩ năng của môn Mỹ thuật với kiến thức, kĩ năng của các môn học, hoạt động GD khác một cách phù hợp, thiết thực.

b) Chú trọng DH trải nghiệm; vận dụng linh hoạt các phương pháp, kĩ thuật DH và các hình thức tổ chức, không gian hoạt động học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm, kích thích trí tưởng tượng, tư duy hình ảnh thẩm mỹ của HS, tạo cơ hội để HS được vận dụng kiến thức, kĩ năng vào thực hành, thể hiện ý tưởng sáng tạo và đưa các sản phẩm sáng tạo vào đời sống.

c) Khai thác, sử dụng hợp lý thiết bị DH, mạng internet; tận dụng các chất liệu, vật liệu sẵn có ở địa phương.

5.2. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

a) Phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu

Thông qua việc tổ chức các hoạt động thảo luận, thực hành, trải nghiệm, sáng tạo, GV giúp HS nuôi dưỡng cảm xúc thẩm mỹ về bản thân và thế giới xung quanh, tình yêu nghệ thuật và cuộc sống; góp phần nâng cao nhận thức về tình yêu gia đình, quê hương, tình thân ái giữa con người với con người, ý thức bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên và không gian văn hoá, thẩm mỹ; trân trọng các sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật và sự sáng tạo của nghệ sĩ; bồi dưỡng niềm tự hào về truyền thống văn hoá, nghệ thuật dân tộc, ý thức tôn trọng sự đa dạng về văn hoá của các dân tộc. Đồng thời, rèn luyện cho HS đức tính chuyên cần, tính trung thực, tình yêu lao động và ý thức trách nhiệm của bản thân trong học tập, làm việc và sử dụng, bảo quản các đồ dùng, công cụ, thiết bị DH; kích thích hứng thú, khích lệ sự tự tin ở HS trong học tập và tham gia các hoạt động nghệ thuật, góp phần xây dựng và phát triển đời sống thẩm mỹ của cá nhân, cộng đồng.

b) Phương pháp hình thành, phát triển các năng lực chung

– Trong DH môn Mỹ thuật, GV tổ chức các hoạt động học tập, thực hành, trải nghiệm, sáng tạo đa dạng với sự tham gia tích cực, chủ động của HS. Đặc biệt, cần khích lệ HS sẵn sàng cho việc thực hành, sáng tạo và thảo luận nghệ thuật thông qua việc chuẩn bị, xác lập mục tiêu học tập, thiết kế nội dung, kế hoạch, dự án học tập,... và thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ học tập của cá nhân/nhóm, góp phần nâng cao năng lực tự chủ và tự học ở HS.

– DH Mỹ thuật có nhiều ưu thế hình thành và phát triển ở HS năng lực giao tiếp và hợp tác. Thông qua các phương pháp, hình thức tổ chức DH kết hợp lồng ghép thảo luận và thực hành nghệ thuật, HS được thường xuyên tham gia trao đổi, chia sẻ về tác giả, nghệ sĩ, về tác phẩm, sản phẩm mỹ thuật, di sản văn hoá nghệ thuật; giới thiệu kết quả học tập, thực hành của cá nhân, bạn bè; bày tỏ cảm nhận, suy nghĩ, quan điểm về thẩm mỹ,... tạo nên kết quả học tập của nhóm dựa trên những cách thức hợp tác khác nhau.

– Giải quyết vấn đề và sáng tạo là đặc trưng trong học tập mỹ thuật. Trong tổ chức hoạt động DH, GV vận dụng các phương pháp, hình thức tổ chức DH thích hợp, giúp HS có cơ hội vận dụng kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm của bản thân để tìm hiểu, khám phá và thực hành, trải nghiệm, phát hiện yếu tố thẩm mỹ trong nghệ thuật và đời sống; khích lệ HS đề xuất vấn đề, ý tưởng thẩm mỹ và lựa chọn giải pháp thể hiện; khuyến khích HS tiếp tục đổi mới trong tiến trình học tập trên cơ sở nhận thức và tư duy phân biện thẩm mỹ, góp phần hình thành, phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo ở HS.

5.3. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển năng lực mỹ thuật

a) Để hình thành, phát triển hoạt động quan sát và nhận thức thẩm mỹ ở HS, trong tổ chức DH, GV khuyến khích và tạo cơ hội để HS được quan sát, nhận thức về đối tượng thẩm mỹ từ bao quát, tổng thể đến chi tiết, bộ phận và đối chiếu, so sánh để tìm ra đặc điểm, vẻ đẹp của đối tượng, phát hiện các giá trị thẩm mỹ của đối tượng. Tùy theo nội dung, mục đích dạy học và tâm lý lứa tuổi, khả năng nhận thức của học sinh, GV đặt ra yêu cầu quan sát một cách phù hợp, nhằm thúc đẩy, phát triển ở HS ý thức tìm tòi, khám phá cuộc sống, môi trường xung quanh và thưởng thức nghệ thuật. Quan sát, nhận thức thẩm mỹ cần được kết hợp, lồng ghép trong hoạt động thực hành sáng tạo, thảo luận, phân tích, đánh giá thẩm mỹ của tiến trình dạy học và liên hệ, ứng dụng thực tiễn.

b) Để hình thành, phát triển hoạt động sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ ở HS, trong tổ chức DH, GV vận dụng các yếu tố kích thích khả năng thực hành, sáng tạo của HS bằng những cách thức khác nhau; khuyến khích HS thử nghiệm và đổi mới, kích thích tư duy, khả năng giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề và liên hệ, ứng dụng thực tiễn. Đồng thời, cần có những hướng dẫn cụ thể để HS chủ động chuẩn bị, sẵn sàng học tập,

sáng tạo nhằm tăng cường ý thức trách nhiệm, thúc đẩy sự hứng khởi ở HS. Khi sử dụng các phương pháp, kĩ thuật DH, GV cần tích hợp, lồng ghép hoạt động thực hành, sáng tạo, ứng dụng thẩm mĩ với thảo luận, cũng như kết hợp quan sát, nhận thức và phân tích, đánh giá thẩm mĩ trong tiến trình DH.

c) Để hình thành, phát triển hoạt động phân tích và đánh giá thẩm mĩ ở HS, trong tổ chức DH, GV khích lệ HS tích cực tham gia hoạt động học tập; vận dụng đa dạng các phương pháp, hình thức tổ chức DH, tạo điều kiện để HS được tiếp cận và khám phá nghệ thuật bằng nhiều cách khác nhau; kết hợp liên hệ truyền thống văn hoá, bối cảnh xã hội và khai thác thiết bị công nghệ, nguồn internet; quan tâm đến sự khác biệt về giới tính, đa dạng sắc tộc, đặc điểm văn hoá vùng miền và tính thời đại. Các yếu tố này cần được cân nhắc, phù hợp với đặc điểm tâm – sinh lí lứa tuổi HS và điều kiện DH thực tế. Đồng thời, cần chú ý đến mối liên hệ và tương tác giữa các thành phần năng lực khác của năng lực mĩ thuật trong tiến trình DH.

6. Đánh giá kết quả giáo dục

6.1. Định hướng chung

Mục tiêu đánh giá kết quả giáo dục môn Mĩ thuật là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt phẩm chất, năng lực và sự tiến bộ của từng HS; giúp HS tự đánh giá sự tiến bộ của bản thân và tự điều chỉnh hoạt động học tập; giúp GV biết được những tiến bộ và hạn chế của HS, từ đó có hướng dẫn kịp thời cho HS và điều chỉnh kế hoạch, hoạt động DH một cách phù hợp; giúp nhà quản lí hiểu rõ chất lượng giáo dục, làm căn cứ để có những điều chỉnh và nâng cao chất lượng giáo dục; giúp cha mẹ HS hiểu rõ những tiến bộ của con và có những biện pháp, phối hợp giáo dục với nhà trường. Đối tượng đánh giá là sản phẩm và quá trình học tập, rèn luyện của HS.

Đánh giá cần bảo đảm các yêu cầu sau:

- Phù hợp với mục tiêu giáo dục và yêu cầu cần đạt đối với mỗi lớp học, cấp học; coi trọng đánh giá khả năng vận dụng kiến thức, kĩ năng của HS trong học tập và những tình huống khác nhau.

- Đánh giá phẩm chất của HS trong giáo dục Mĩ thuật chủ yếu bằng định tính, thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét bằng lời về thái độ, tình cảm, hành vi ứng xử của HS khi tham gia các hoạt động mĩ thuật.

- Đánh giá năng lực đặc thù của môn học chủ yếu bằng định lượng, thông qua đánh giá các thành phần của năng lực thẩm mĩ; chú ý đánh giá vì sự tiến bộ của HS.

- Sử dụng công cụ đánh giá tin cậy, đảm bảo toàn diện, khách quan, chính xác và phân hoá; kết hợp, vận dụng linh hoạt các phương pháp và hình thức đánh giá, bao gồm việc HS tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng; quan tâm đến những HS có sự khác biệt so với các HS khác về tâm lí, sở thích, về khả năng và điều kiện tối thiểu học tập; thông tin kịp thời về thời điểm đánh giá, hình thức đánh giá, công cụ đánh giá để HS chủ động tham gia quá trình đánh giá.

- Kết hợp hài hoà giữa đánh giá thường xuyên (quá trình) và đánh giá tổng kết (định kì); đánh giá thường xuyên được thực hiện trong toàn bộ tiến trình DH và tích hợp trong các hoạt động DH; đánh giá tổng kết được thực hiện ở thời điểm gần hoặc cuối một giai đoạn học tập (cuối học kì, cuối năm học, cuối cấp học).

6.2. Hình thức đánh giá

a) Đánh giá chẩn đoán

Sử dụng vào thời điểm đầu của một giai đoạn DH, nhằm giúp GV thu thập những thông tin về kiến thức, kĩ năng mĩ thuật, những điểm mạnh và nhu cầu của từng HS, từ đó xây dựng kế hoạch và phương pháp giáo dục thích hợp.

b) Đánh giá kết quả, bao gồm đánh giá thường xuyên và đánh giá tổng kết

Đánh giá thường xuyên căn cứ vào việc HS chuẩn bị đồ dùng, công cụ, vật liệu,... trả lời câu hỏi, phát biểu ý kiến, thảo luận, chia sẻ, thuyết trình, bài viết, kết quả thực hành, thực hiện trưng bày, tham gia nhận

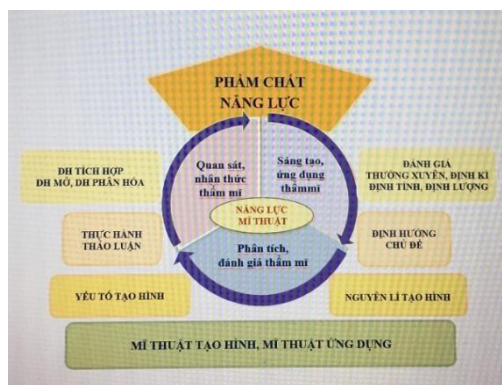
xét, đánh giá,... trong quá trình học tập. Đánh giá thường xuyên có sự tham gia của các chủ thể khác nhau: GV đánh giá HS, HS đánh giá đồng đẳng, HS tự đánh giá.

Đánh giá tổng kết căn cứ vào các sản phẩm thực hành, kết quả dự án học tập, video clip, bài tự luận,...

c) Đánh giá định tính và đánh giá định lượng

Đánh giá định tính được thực hiện chủ yếu ở cấp tiểu học; đánh giá định lượng được sử dụng chủ yếu ở cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông, bảo đảm phân hoá dần ở các lớp học trên.

Dưới đây là mô hình khái quát Chương trình môn Mỹ thuật 2018:



II. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH CẤP TIỂU HỌC VÀ CHƯƠNG TRÌNH LỚP 4

1. Mục tiêu, nội dung, yêu cầu cần đạt của Chương trình Mỹ thuật cấp tiểu học (2018)

1.1. Mục tiêu chương trình cấp tiểu học

Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 môn Mỹ thuật cấp tiểu học giúp HS hình thành, phát triển năng lực mỹ thuật thông qua các hoạt động trải nghiệm; biết thể hiện cảm xúc, trí tưởng tượng về thế giới xung quanh, từ đó hình thành năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo; bước đầu làm quen, tìm hiểu và cảm nhận về đẹp của sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật, hình thành năng lực tự chủ và tự học; góp phần hình thành các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

1.2. Nội dung chương trình cấp tiểu học

Chương trình mỹ thuật cấp tiểu học là một bộ phận cấu thành của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 môn Mỹ thuật và được phát triển hai mạch nội dung Mỹ thuật tạo hình và Mỹ thuật ứng dụng, trong đó nền tảng kiến thức cơ bản dựa trên *yếu tố và nguyên lý tạo hình*. Nội dung giáo dục ở *cấp tiểu học* gồm: Lí luận và lịch sử mỹ thuật, Hội họa, Đồ họa, Điêu khắc, Thủ công. Trong đó, nội dung Lí luận và lịch sử mỹ thuật được giới hạn trong phạm vi làm quen với tìm hiểu tác giả, sản phẩm, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật và được giới thiệu, lồng ghép trong thực hành, thảo luận.

Thời lượng DH mỗi mạch nội dung và đánh giá ở mỗi lớp như sau:

- Nội dung Mỹ thuật tạo hình (Lí luận và lịch sử mỹ thuật, Hội họa, Đồ họa, Điêu khắc): khoảng 60% (khoảng 21 tiết/năm học/mỗi lớp).
- Nội dung Mỹ thuật ứng dụng (thủ công): khoảng 30% (khoảng 10 tiết/năm học/mỗi lớp).
- Đánh giá khoảng 10% (khoảng 4 tiết/năm học/mỗi lớp).

Nội dung	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	Ghi chú
Lí luận và lịch sử mỹ thuật	+	+	+	+	+	Tích hợp, lồng ghép trong

						thực hành, thảo luận.
Hội hoạ	x	x	x	x	x	
Đồ hoạ (tranh in)	x	x	x	x	x	
Điều khắc	x	x	x	x	x	
Thủ công	x	x	x	x	x	
Lưu ý: Thời lượng DH mỗi mạch nội dung và đánh giá ở mỗi lớp như sau: – Nội dung Mĩ thuật tạo hình: khoảng 60% (khoảng 21 tiết/năm học/một lớp). – Nội dung Mĩ thuật ứng dụng (thủ công): khoảng 30% (khoảng 10 tiết/năm học/mỗi lớp). – Đánh giá khoảng 10% (khoảng 4 tiết/năm học/mỗi lớp).						

1.3. Yêu cầu cần đạt về năng lực mĩ thuật đối với cấp tiểu học

Dưới đây là yêu cầu cần đạt về năng lực mĩ thuật đối với cấp tiểu học được nêu trong Chương trình Giáo dục phổ thông môn Mĩ thuật 2018:

Năng lực mĩ thuật	Yêu cầu cần đạt
Quan sát và nhận thức thẩm mĩ	
Quan sát thẩm mĩ	– Nhận biết được một số yếu tố thẩm mĩ cơ bản trong đời sống và ở sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật. – Nhận biết được một số yếu tố tạo hình ở đối tượng thẩm mĩ. – Nhận biết được dấu hiệu của một số nguyên lí tạo hình ở sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật.
Nhận thức thẩm mĩ	– Bước đầu cảm nhận được vẻ đẹp của đối tượng thẩm mĩ. – Nhận biết được chủ đề của sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật. – Bước đầu nhận biết được giá trị của sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật trong đời sống. – Biết liên tưởng được vẻ đẹp của đối tượng thẩm mĩ với thực hành sáng tạo.
Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ	
Sáng tạo thẩm mĩ	– Nêu được ý tưởng thể hiện đối tượng thẩm mĩ ở mức độ đơn giản. – Vận dụng được một số hình thức thực hành, sáng tạo thể hiện ý tưởng thẩm mĩ. – Vận dụng được một số yếu tố, nguyên lí tạo hình trong thực hành sáng tạo ở mức độ đơn giản. – Sử dụng được một số công cụ, thiết bị trong thực hành sáng tạo.
Ứng dụng thẩm mĩ	– Biết thể hiện tính ứng dụng của sản phẩm trong thực hành, sáng tạo. – Biết trưng bày, giới thiệu sản phẩm mĩ thuật của cá nhân và nhóm học tập. – Biết vận dụng sản phẩm, tác phẩm nghệ thuật phục vụ cho học tập và đời sống.

Năng lực mĩ thuật	Yêu cầu cần đạt
Phân tích và đánh giá thẩm mĩ	
Phân tích thẩm mĩ	– Chia sẻ được cảm nhận về đối tượng thẩm mĩ ở mức độ đơn giản. – Biết tìm hiểu tác giả, sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật. – Mô tả được một số yếu tố, dấu hiệu của nguyên lí tạo hình ở sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật trong thực hành, thảo luận và liên hệ thực tiễn.
Đánh giá thẩm mĩ	– Bước đầu đánh giá được đối tượng thẩm mĩ thông qua một số yếu tố và nguyên lí tạo hình. – Bước đầu học hỏi được kinh nghiệm thực hành sáng tạo thông qua đánh giá đối tượng thẩm mĩ.

2. Nội dung, yêu cầu cần đạt của chương trình lớp 4 và tính nối tiếp, mở rộng mạch kiến thức từ chương trình các lớp 1, 2, 3

2.1. Nội dung, yêu cầu cần đạt của chương trình lớp 4

Trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 môn Mĩ thuật nội dung và yêu cầu cần đạt ở lớp 4 như sau:

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
MĨ THUẬT TẠO HÌNH	
Quan sát và nhận thức thẩm mĩ: – Nhận biết được yếu tố tạo hình: chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, không gian. – Nhận biết được màu nóng, màu lạnh; không gian xa, gần. – Xác định được nội dung chủ đề và hình thức thực hành, sáng tạo. Sáng tạo và ứng dụng thẩm mĩ: – Phối hợp được một số kĩ năng: cắt, xé, dán, vẽ, in, ghép, nặn, uốn,... trong thực hành, sáng tạo. – Vận dụng được độ đậm nhạt, nóng lạnh của màu trong thực hành, sáng tạo. – Tạo được mật độ khác nhau của chấm, nét ở sản phẩm. – Vận dụng được sự biến thể của hình, khối cơ bản để mô phỏng đối tượng. – Thể hiện được khoảng cách, vị trí khác nhau cho các yếu tố tạo hình ở sản phẩm	Yếu tố và nguyên lí tạo hình: Lựa chọn, kết hợp: Yếu tố tạo hình – Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. Nguyên lí tạo hình – Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. Thể loại: Lựa chọn, kết hợp: – Lí luận và lịch sử mĩ thuật. – Hội hoạ. – Đồ hoạ (tranh in). – Điêu khắc. Hoạt động thực hành và thảo luận: Thực hành – Thực hành sáng tạo sản phẩm mĩ thuật 2D.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
– Tạo được sự khác nhau về cảm giác bề mặt chất liệu ở sản phẩm. – Thể hiện sự hiểu biết về hài hòa của yếu tố tạo hình trong thực hành, sáng tạo. Phân tích và đánh giá thẩm mỹ: – Vận dụng được ngôn ngữ nói hoặc viết, biểu đạt cơ thể, diễn hoạt hình ảnh động, xây dựng câu chuyện,... để giới thiệu sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật. – Nhận biết chủ đề của sản phẩm, tác phẩm; bước đầu biết đặt câu hỏi, trả lời và trao đổi để tìm hiểu tác giả, tác phẩm mỹ thuật.	– Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 3D. <i>Thảo luận</i> Lựa chọn, kết hợp: – Tìm hiểu tác giả, tác phẩm, di sản văn hoá nghệ thuật. – Sản phẩm thực hành của học sinh. Định hướng chủ đề: Lựa chọn, kết hợp: – Thiên nhiên; Con người; Gia đình; Nhà trường; Xã hội; Quê hương; Đất nước
MĨ THUẬT ỨNG DỤNG	
Quan sát và nhận thức thẩm mỹ: – Nhận biết được cấu trúc tỉ lệ và công dụng của một số sản phẩm thủ công, liên hệ ở địa phương. – Xác định được mục đích, đối tượng sáng tạo cho sản phẩm cá nhân, sản phẩm nhóm. Sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ: – Phối hợp được một số kĩ năng: cắt, dán, vẽ,... trong thực hành, sáng tạo. – Tạo được sản phẩm có sự biến thể từ hình, khối cơ bản – Vận dụng được mật độ, khoảng cách của chấm, nét để trang trí sản phẩm – Biết phối hợp vật liệu khác nhau để tạo màu, tạo chất ở sản phẩm. – Bước đầu thể hiện được sự hài hòa về cấu trúc tỉ lệ cho sản phẩm. Phân tích và đánh giá thẩm mỹ: – Lựa chọn, xác định được vị trí trưng bày sản phẩm – Biết giới thiệu quá trình hoặc thao tác thực hành tạo ra sản phẩm, thể hiện học hỏi kinh nghiệm và tôn trọng chia sẻ của bạn bè.	Yếu tố và nguyên lí tạo hình: Lựa chọn, kết hợp: <i>Yếu tố tạo hình</i> – Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. <i>Nguyên lí tạo hình</i> – Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, nhấn mạnh, chuyển động, tỉ lệ, hài hoà. Thế loại: <i>Thủ công</i> Lựa chọn, kết hợp: – Đồ thủ công bằng vật liệu tự nhiên. – Đồ thủ công bằng vật liệu nhân tạo. – Đồ thủ công bằng vật liệu sưu tầm, tái sử dụng. Hoạt động thực hành và thảo luận: <i>Thực hành</i> – Thực hành sáng tạo sản phẩm thủ công 2D. – Thực hành sáng tạo sản phẩm thủ công 3D. <i>Thảo luận</i> Lựa chọn, kết hợp: – Sản phẩm thủ công. – Sản phẩm thực hành của học sinh.

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
	Định hướng chủ đề: Lựa chọn, kết hợp: – Đồ chơi, đồ dùng học tập, đồ dùng cá nhân, đồ lưu niệm, đồ gia dụng.

2.2. Tính nối tiếp, mở rộng kiến thức ở chương trình lớp 4 so với lớp 1, 2, 3 trong chương trình Giáo dục phổ thông môn Mỹ thuật 2018

Kiến thức	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4
YẾU TỐ TẠO HÌNH				
Chấm	Tạo hình, trang trí	Lắp lại, tạo nhịp điệu	Đậm, nhạt, trang trí	Sắp xếp dày, thưa khác nhau
Nét	Một số loại nét	Hình thức tạo nét	Đậm, nhạt, trang trí	Sắp xếp dày, thưa khác nhau
Hình	Cơ bản	Lắp lại	Tương phản	Biến thể, cân đối tỉ lệ
Khối	Cơ bản	Lắp lại	Tương phản	Biến thể
Màu sắc	Cách sử dụng, bảo quản màu	Màu cơ bản	Màu thứ cấp	Màu nóng, màu lạnh; đậm nhạt của màu; Hài hòa
Chất cảm	Không có yêu cầu cần đạt		Bề mặt mềm mịn hoặc thô ráp	Bề mặt khác nhau
Không gian	Không có yêu cầu cần đạt			Vị trí, khoảng cách xa, gần
NGUYÊN LÝ TẠO HÌNH (MỨC ĐỘ DẤU HIỆU)				
Tỉ lệ	Không có yêu cầu cần đạt			Cân đối về hình; mật độ (dày, thưa) của chấm, nét
Hài hòa	Không có yêu cầu cần đạt			Màu sắc

III. ĐẶC ĐIỂM NỘI DUNG, HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA MĨ THUẬT 4 VÀ YÊU CẦU TRONG DẠY HỌC HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC HỌC SINH

1. Đặc điểm nội dung sách giáo khoa Mỹ thuật 4 – Cánh điều và hướng dẫn sử dụng trong dạy học

1.1. Quan điểm tiếp cận và căn cứ biên soạn sách giáo khoa

1.1.1. Quan điểm tiếp cận biên soạn sách giáo khoa

a. Tiếp cận mục tiêu giáo dục

Lấy việc cung cấp kiến thức, rèn luyện kỹ năng thực hành để bồi dưỡng khả năng cảm nhận thẩm mỹ (quan sát, thực hành, chia sẻ) làm trục phát triển của cuốn sách và phục vụ mục tiêu hình thành, phát triển năng lực đặc thù của môn học (năng lực mỹ thuật), góp phần hình thành, phát triển năng lực chung, đóng góp cho việc hình thành, phát triển các năng lực đặc thù khác và thống nhất với mục tiêu bồi dưỡng phẩm chất chủ yếu cho HS.

b. Tiếp cận đối tượng dạy và học

– HS là đối tượng rất đa dạng nên sách thiết kế theo hướng mở để thực hiện DH phù hợp với khả năng, điều kiện học tập của HS. Nội dung các bài học bảo đảm vừa sức với HS ở nhiều vùng miền (mỗi bài học không bao gồm nhiều kiến thức, mà tập trung vào cung cấp đến HS một đơn vị kiến thức rõ ràng; giúp HS được tiếp cận, tìm hiểu và vận dụng vào thực hành, luyện tập có trọng tâm, học đến đâu hiểu và nắm rõ đến đó...).

– GV là những Thầy/Cô có kinh nghiệm giảng dạy khác nhau, nên sách thiết kế để thầy/cô thuận lợi trong DH tích hợp, DH phân hóa,... phù hợp với thực tiễn DH của nhà trường, địa phương. *Ví dụ: Nội dung các chủ đề, bài học tiếp cận các chủ đề gắn với đời sống thực tiễn; mỗi bài học gợi mở nhiều hình thức, cách thực hành, sáng tạo với vật liệu, công cụ, họa phẩm,... sẵn có; kết hợp liên hệ sử dụng sản phẩm vào đời sống,...*

1.1.2. Căn cứ biên soạn sách giáo khoa

Nội dung SGK Mỹ thuật 4 – Cánh diều được xây dựng dựa trên một số căn cứ chủ yếu sau:

a) Định hướng đổi mới trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Mỹ thuật và nội dung giáo dục, yêu cầu cần đạt nêu trong của chương trình lớp 4, cụ thể một số điểm chính sau:

– Nội dung: *Mỹ thuật tạo hình* (Lí luận và lịch sử mỹ thuật; Hội họa; Đồ họa tranh in; Điêu khắc. *Mỹ thuật ứng dụng* (Thủ công).

– Định hướng chủ đề: *Mỹ thuật tạo hình* (Thiên nhiên, Con người, Gia đình, Nhà trường, Xã hội, Quê hương, Đất nước. Trong đó điểm nhấn ở lớp 4 là chủ đề *Đất nước*); *Mỹ thuật ứng dụng* (Đồ chơi, đồ dùng học tập, đồ dùng cá nhân, đồ lưu niệm, đồ gia dụng. Trong đó điểm nhấn ở lớp 4 là *đồ gia dụng*).

– Hoạt động thực hành và thảo luận: Sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật, sản phẩm thủ công.

– Yêu cầu cần đạt: Trọng tâm kiến thức là các yếu tố tạo hình (chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian) và dấu hiệu của nguyên lí tạo hình (tỉ lệ, hài hoà).

b) Kế thừa một số nội dung trong chương trình lớp 4 hiện hành (Chương trình năm 2006). Ví dụ:

Lớp 4 – SGK hiện hành (Chương trình năm 2006)	Lớp 4 – SGK Cánh diều (Chương trình năm 2018)
Bài 1: Màu sắc và cách pha màu	Bài 1: Đậm nhạt khác nhau của màu Bài 2: Màu nóng, màu lạnh
Bài 2: Vẽ hoa, lá	Bài 4: Sắc hoa quê hương
Bài 4: Chép họa tiết trang trí dân tộc Bài 13: Trang trí đường diềm	Bài 4: Trang trí vải hoa Bài 5: Trang phục lễ hội
Bài 5: Xem tranh phong cảnh Bài 7: Đề tài Phong cảnh quê hương Bài 11: Xem tranh của họa sĩ	Bài 2: Màu nóng, màu lạnh (Phong cảnh quê hương) Bài 7: Đường em đến trường Bài 15: Cảnh đẹp quê hương Việt Nam
Bài 10: Đồ vật có dạng hình trụ	Bài 11: Nhạc cụ dân tộc Bài 13: Bánh ngon truyền thống
Bài 12: Đề tài sinh hoạt	Bài 8: Thể thao vui, khỏe

Lớp 4 – SGK hiện hành (Chương trình năm 2006)	Lớp 4 – SGK Cánh diều (Chương trình năm 2018)
	Bài 12: trên cánh đồng quê em

c) *Phát huy cách xây dựng cấu trúc, hình thức trình bày trong SGK các lớp 1, 2, 3.* Ví dụ: một số điểm sau trong sách Mĩ thuật 4 – Cánh diều:

– *Số lượng các chủ đề*, bài học: 7 chủ đề, 17 bài học (dự kiến số bài có thời lượng DH 2 tiết là 16 bài, trong đó có bài ôn tập kì 1 và kì 2; số bài có thời lượng DH 3 tiết là 1 bài – bài 15').

– *Cấu trúc mỗi bài học*, gồm: Mục tiêu (*Bài học này, em sẽ*); Chuẩn bị (Sử dụng các icon thay cho kênh chữ); Nội dung các hoạt động: *Quan sát, nhận biết; Thực hành, sáng tạo; Cảm nhận, chia sẻ; Vận dụng.*

– *Hình thức trình bày*: *Kênh hình* (cung cấp kiến thức, hướng dẫn thực hành, hình thành, phát triển kĩ năng cho HS; gợi mở ý tưởng sáng tạo, liên hệ bài học, ứng dụng sản phẩm vào đời sống; bồi dưỡng tính tự học ở HS; phụ huynh có thể cùng con học mĩ thuật,...). *Kênh chữ* (tên chủ đề, bài học; nhiệm vụ học tập; tổng kết bài học).

1.2. Đặc điểm nội dung sách Mĩ thuật 4 – Cánh diều

1.2.1. Đặc điểm nội dung các chủ đề, bài học trong sách giáo khoa Mĩ thuật 4 – Cánh diều

Bảng tập hợp một số yêu cầu cần đạt trọng tâm về *kiến thức* (yếu tố, nguyên lí tạo hình) và *các chủ đề* định hướng trong chương trình lớp 4 được thể hiện trong SGK Mĩ thuật 4 – Cánh diều:

Kiến thức (Yếu tố, nguyên lí tạo hình)	Yêu cầu cần đạt (YCCĐ) trong chương trình	Thể hiện nội dung YCCĐ trong chương trình vào SGK	Hình thức thực hành	Tiếp cận các chủ đề định hướng trong chương trình
Yếu tố: Chấm, nét	– Tạo được mật độ khác nhau của chấm, nét ở sản phẩm. – Vận dụng được mật độ, khoảng cách của chấm, nét để trang trí sản phẩm.	Chủ đề 3: Chủ đề 3. Hoạ tiết và trang phục – Bài 5: Trang trí vải hoa – Bài 6: Trang phục lễ hội	Vẽ, in, gấp, cắt, xé, dán,... (<i>Có thể bỏ sung nặn</i>)	Con người, đồ dùng cá nhân. (<i>Hoạ tiết trên trang phục của một số dân tộc ít người ở Việt Nam</i>).
Yếu tố: Màu sắc, đậm	– Vận dụng được độ đậm, nhạt, nóng lạnh	Chủ đề 1. Sự thú vị của màu sắc	Vẽ, in, cắt, xé dán	– Thiên nhiên, Con người

¹ - Căn cứ vào thực tế dạy học, giáo viên có thể điều chỉnh thời lượng mỗi chủ đề, bài học đề xuất ở trên, miễn sao đạt được mục tiêu bài học (yêu cầu cần đạt quy định trong chương trình) và bảo đảm thời lượng quy định trong chương trình là 35 tiết/năm học.

- Nhà trường và giáo viên có thể sắp xếp lịch học luân phiên giữa các khối, lớp để có thể thực hiện dạy học với thời lượng 2 tiết liền nhau/buổi học/lớp học.

Kiến thức (Yếu tố, nguyên lí tạo hình)	Yêu cầu cần đạt (YCCĐ) trong chương trình	Thể hiện nội dung YCCĐ trong chương trình vào SGK	Hình thức thực hành	Tiếp cận các chủ đề định hướng trong chương trình
nhật	của màu trong thực hành, sáng tạo.	– Bài 1: Đậm, nhạt khác nhau của màu – Bài 2: Màu nóng, màu	(Có thể bổ sung hình thức nặn)	– Đồ dùng (tủ, ngôi nhà, phương tiện giao thông,...).
Yếu tố: Hình, khối	– Vận dụng được sự biến thể của hình, khối khác nhau để mô phỏng đối tượng. – Tạo được sản phẩm có sự biến thể từ hình, khối cơ bản.	Chủ đề 5. Những hình dạng khác nhau của hình, khối cơ bản – Bài 9: Những mái nhà thân quen – Bài 10: Nhạc cụ dân tộc – Bài 11: Bánh ngon truyền thống	Vẽ, gấp, cắt, xé, dán, xếp,... (Có thể bổ sung hình thức in, nặn).	– Gia đình, Quê hương, Đất nước, Xã hội... (Nét đặc trưng của nghệ thuật âm nhạc truyền thống, văn hoá ẩm thực ở Việt Nam,...).
Yếu tố: Chất cảm	– Biết phối hợp vật liệu khác nhau để tạo màu, tạo chất ở sản phẩm. – Tạo được sự khác nhau về cảm giác bề mặt chất liệu ở sản phẩm.	Chủ đề 2: Sự kết hợp thú vị của vật liệu khác nhau – Bài 3: Những vật liệu khác nhau – Bài 4: Sắc hoa quê hương	Vẽ, cắt, xé, dán, nặn, gắn, ghép,... (Có thể bổ sung hình thức in).	Thiên nhiên, Con người,... (Một số loài hoa quen thuộc ở Việt Nam).
Yếu tố: Không gian	Thể hiện được vị trí, khoảng cách khác nhau cho các yếu tố tạo hình ở sản phẩm.	Chủ đề 4: Làm quen với không gian xa, gần – Bài 7: Đường em đến trường – Bài 8: Thẻ thao vui, khoẻ	Vẽ, gấp, cắt, xé, dán, nặn, gắn, ghép, xếp,... (Có thể bổ sung hình thức in).	Thiên nhiên, Con người, Nhà trường, Xã hội, Quê hương,... (Đường đi học; trò chơi trong lễ hội truyền thống ở Việt Nam).
Nguyên lí: Tỉ lệ, hài hòa	– Bước đầu thể hiện được sự hài hoà về cấu trúc tỉ lệ cho sản phẩm.	Chủ đề 6: Thể hiện sự cân đối, hài hòa – Bài 12: Trên cánh	Vẽ, gấp, cắt, xé, dán, xếp,... (Có thể bổ	Thiên nhiên, Con người, Gia đình, Xã hội, Quê hương; đồ dùng cá nhân, đồ lưu

Kiến thức (Yếu tố, nguyên lí tạo hình)	Yêu cầu cần đạt (YCCĐ) trong chương trình	Thể hiện nội dung YCCĐ trong chương trình vào SGK	Hình thức thực hành	Tiếp cận các chủ đề định hướng trong chương trình
	– Thể hiện sự hiểu biết về hài hòa của yếu tố tạo hình trong thực hành, sáng tạo.	đồng quê em – Bài 13: Sản phẩm thủ công truyền thống	<i>sung hình thức in, nặn).</i>	niệm, đồ gia dụng,... <i>(Hoạt động lao động sản xuất và nghề nghiệp; đồ dùng sinh hoạt,...).</i>
Củng cố, luyện tập kiến thức (<i>chấm, nét, hình, khối, màu nóng, màu lạnh,...</i>) và kĩ năng thực hành	Kết hợp được một số kĩ năng: cắt, dán, xếp, gấp, vẽ,... trong thực hành, sáng tạo.	Chủ đề 7: Việt Nam quê hương em – Bài 14: Nông sản quê em – Bài 15: Cảnh đẹp quê hương Việt Nam	Vẽ, gấp, cắt, dán, xếp, nặn. <i>(Có thể bổ sung hình thức in).</i>	Thiên nhiên, Con người, Gia đình, Quê hương, Đất nước. <i>(Nông sản đặc trưng ở các vùng miền và một số di sản thiên nhiên trên đất nước Việt Nam).</i>

Từ bảng tập hợp trên, nội dung SGK Mĩ thuật 4 – Cánh diều thể hiện rõ một số đặc điểm sau:

– Nội dung các chủ đề, bài học bảo đảm các yêu cầu cần đạt nêu trong chương trình; trong đó chú trọng đến việc tìm hiểu, phát hiện, củng cố kiến thức và thực hành, sáng tạo của HS, kết hợp tạo cơ hội để HS tìm hiểu, khám phá nét đẹp trong đời sống, văn hoá, nghệ thuật, ẩm thực, lao động sản xuất và thiên nhiên, con người trên đất nước Việt Nam. Đặc điểm này giúp *GV có nhiều thuận lợi trong thực hiện DH tích hợp (nội môn, liên môn, xuyên chương trình).*

– Mỗi chủ đề, bài học thể hiện rõ trọng tâm kiến thức theo yêu cầu của chương trình. Trong mỗi chủ đề, nội dung các bài học nhất quán với mục tiêu của chủ đề; trong mỗi bài học, nội dung các hoạt động thống nhất với mục tiêu bài học, giúp HS dễ hiểu và tiếp nhận kiến thức, kĩ năng phù hợp với mức độ nhận thức: **Biết – Hiểu – Vận dụng** trong tiến trình học tập. Đồng thời, ở mỗi bài học giới thiệu một số cách thực hành, vận dụng các hình thức, chất liệu, vật liệu,... khác nhau vào sáng tạo sản phẩm, *tạo thuận lợi để GV tổ chức DH phù hợp với điều kiện thực tiễn.*

Nội dung các chủ đề, bài học được sắp xếp đan xen giữa các dạng bài và tăng dần mức độ từ dễ đến “khó” về kiến thức, kĩ năng để phù hợp với tâm lí lứa tuổi và tiến độ học tập của HS lớp 4; *giúp GV thuận lợi trong tổ chức DH dựa trên những điều HS đã biết, đã học.*

1.2.2. Một số dạng bài trong sách giáo khoa

Nội dung bài học trong SGK Mĩ thuật 4, tập trung vào ba dạng bài chủ yếu sau:

TT	Dạng bài	Đặc điểm	Bài học
1	Dạng bài nhận biết kiến thức và tập thực hành, sáng tạo, hình thành kĩ năng	Giúp HS được tiếp cận, biết, hiểu nội dung kiến thức của môn học theo mức độ, yêu cầu cần đạt nêu trong	Bài: 1, 2, 3, 5, 7, 9, 10, 12.

		chương trình và tập vận dụng vào thực hành, sáng tạo sản phẩm (cá nhân, nhóm), hình thành kỹ năng.	
2	Dạng bài vận dụng kiến thức, kỹ năng vào luyện tập, thực hành, sáng tạo.	Giúp HS vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã biết, đã làm quen ở dạng bài (1) vào luyện tập, thực hành, sáng tạo sản phẩm (cá nhân, nhóm), phát triển kỹ năng.	Bài: 4, 6, 8, 11, 13, 14, 15.
3	Dạng bài ôn tập, củng cố kiến thức, kỹ năng đã biết, đã thực hành, luyện tập.	Ôn tập, củng cố kiến thức, kỹ năng HS đã được tìm hiểu, thực hành ở các bài học (dạng bài 1 và 2) của mỗi học kỳ và năm học lớp 4.	Bài ôn tập kỳ 1 và kỳ 2.

1.3. Hướng dẫn sử dụng sách giáo khoa Mỹ thuật 4 trong dạy học

Mỗi bài học trong SGK mỹ thuật 4 – Cánh diều gồm các nội dung: Bài học này, em sẽ (là mục tiêu trọng tâm của bài học); Chuẩn bị (là những đồ dùng, hoa có cấu trúc bắt đầu bằng Mục tiêu (bài học này em sẽ) có cấu trúc như sau: nội dung và các hoạt động học nữa. Đối tượng sử dụng

– GV, HS, phụ huynh có thể sử dụng để cùng HS học mỹ thuật.

b. Hướng dẫn sử dụng trong dạy học

– Mục Bài học này, em sẽ: nhấn mạnh mục tiêu về năng lực mỹ thuật tương ứng với mức độ cần đạt nêu trong chương trình. GV cần kết hợp với nội dung mục tiêu về năng lực chung, năng lực đặc thù khác và phẩm chất với những biểu hiện cụ thể, gắn với bài học để xây dựng ý tưởng và tổ chức dạy học hướng đến hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực ở HS.

– Mục Chuẩn bị: những đồ dùng, hoạ phẩm,... sát với minh hoạ ở các cách thực hành. GV có thể thay thế một hoặc một số đồ dùng, công cụ, vật liệu,... để phù hợp với ý tưởng và điều kiện DH, bảo đảm đạt được mục tiêu bài học.

– Mục Quan sát, nhận biết: Thông qua kênh hình, kênh chữ, GV tổ chức HS tiếp cận, tìm hiểu, phát hiện,... và hình thành hiểu biết về mức độ kiến thức trọng tâm của bài học và phù hợp với mục tiêu. GV có thể thay thế hoặc bổ sung hình ảnh để phù hợp với ý tưởng, điều kiện DH, bảo đảm đạt được mục tiêu của hoạt động và thống nhất với mục tiêu bài học.

– Mục Thực hành, sáng tạo: GV sử dụng kênh hình minh hoạ để hướng dẫn HS một số cách thực hành, vận dụng kiến thức trọng tâm của bài học vào sáng tạo sản phẩm; hoặc xây dựng video clip. Tuỳ vào khả năng của HS, GV có thể hướng dẫn cụ thể các bước hoặc một số thao tác “khó”. GV cần khích lệ HS chọn cách, chọn vật liệu, hoạ phẩm,... để thực hành; linh hoạt tổ chức HS làm việc cá nhân, kết hợp làm việc nhóm (tạo sản phẩm cá nhân kết hợp thảo luận nhóm; tạo sản phẩm nhóm theo những công đoạn khác nhau,...).

– Mục Cảm nhận, chia sẻ: Trong sách gợi ý một số nội dung HS thảo luận, chia sẻ,... các nội dung này được thống nhất với mục tiêu, yêu cầu của bài học. Do vậy, GV cần sử dụng các gợi ý này để hướng dẫn, giao nhiệm vụ cho HS (suy nghĩ, trả lời, chia sẻ, nhận xét...). Ngoài ra, căn cứ vào quá trình học, thực hành, thảo luận và sản phẩm cụ thể của HS, GV cần bổ sung thêm nội dung HS trao đổi, chia sẻ, nhận xét,... Đây cũng là một cách giúp GV có thêm “căn cứ” để đánh giá mức độ nhận thức: Biết, Hiểu, Vận dụng kiến thức của HS về bài học, môn học.

– Mục *Vận dụng*: Nội dung hướng đến gợi mở HS có thêm ý tưởng thực hành, sáng tạo, biết cách ứng dụng sản phẩm vào đời sống, liên hệ bài học với các môn học khác,... Trong DH, GV có thể thay thế/bổ sung thêm hình ảnh (nếu phù hợp).

2. Yêu cầu chung trong dạy học, đánh giá kết quả giáo dục hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực học sinh

2.1. Xác định mức độ kiến thức theo yêu cầu của chương trình lớp 4

Trước khi tiến hành xây dựng kế hoạch/soạn giáo án và tổ chức DH, GV cần xác định được mục tiêu **kiến thức trọng tâm** (*đậm nhạt của màu; màu nóng, màu lạnh; bề mặt chất liệu khác nhau; vị trí, khoảng cách xa, gần; hình, khối biến thể,...*) và nội dung của chủ đề, bài học (*Thiên nhiên, Con người, Gia đình, Nhà trường, Lễ hội, Đồ dùng, Lao động sản xuất,...*) làm cơ sở để lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức, phương tiện, đồ dùng DH phù hợp với điều kiện DH (cơ sở vật chất, khả năng chuẩn bị của HS,...).

2.2. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực học sinh

**Kết hợp tổ chức HS thực hành với thảo luận nghệ thuật:*

Đây là yêu cầu yêu cầu trọng tâm của phương pháp, hình thức tổ chức DH được nêu trong Chương trình Giáo dục phổ thông môn Mỹ thuật 2018.

Đặc trưng của tổ chức DH kết hợp thực hành với thảo luận nghệ thuật là tổ chức HS làm việc thông qua nhóm học tập. Vì vậy, phương pháp học tập nhóm cần được vận dụng và phát huy trong tiến trình DH. Tuy nhiên, khả năng chủ động thảo luận của HS lớp 4 là chưa cao. Vì vậy, trong tổ chức HS thực hành (cá nhân/nhóm), GV cần gợi mở nội dung thảo luận, giao nhiệm vụ cụ thể cho HS (cá nhân/nhóm), khích lệ HS tham gia thảo luận, khuyến khích HS nêu ý kiến/vấn đề và lắng nghe chia sẻ của bạn; giúp HS có cơ hội phát triển năng lực tự chủ, tự học, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề,... trong học tập và vận dụng đời sống thực tiễn. Các nội dung gợi mở, định hướng cho HS thảo luận, chia sẻ cần gắn với mục tiêu, yêu cầu cần đạt trong mỗi hoạt động cụ thể (*quan sát, nhận biết; thực hành, sáng tạo, nhận xét,...*); kết hợp bồi dưỡng ở HS các phẩm chất phù hợp với nội dung hoạt động/bài học và thống nhất với mục tiêu đã nêu.

**Chú trọng DH tích hợp:*

Một số kiểu tích hợp trong DH nói chung và vận dụng DH nội dung sách mỹ thuật lớp 4:

– *Tích hợp nội môn* là cách DH trong đó có những nội dung được thiết kế dựa trên hai hay nhiều phần của môn học với mục tiêu là nhận thức được hiện tượng hay giải quyết được vấn đề dựa trên sự tích hợp và tổng hợp các kiến thức, kỹ năng từ các phần khác nhau của môn học.

– Trong sách Mỹ thuật 4, nội dung các bài học được thiết kế tập trung vào một số hướng tích hợp như: *kết hợp tìm hiểu tác giả, tác phẩm với hình thành kiến thức, kỹ năng và vận dụng thực hành; kết hợp hình thức vẽ với xé, cắt dán; kết hợp hình thức vẽ với in; kết hợp hình thức in với cắt, dán,...*

– *Tích hợp liên môn*, là cách GV liên hệ nội dung học tập của môn học/bài học cụ thể với nội dung học tập của môn học/một số môn học khác, nhằm nhấn mạnh kiến thức, kỹ năng, bồi dưỡng phẩm chất,... ở HS, giúp HS nắm bắt được nội dung học tập trong mối quan hệ với các khái niệm, kỹ năng liên môn.

– Trong DH nội dung sách Mỹ thuật 4 – Cánh diều, GV có thể liên hệ kiến thức, kỹ năng của môn Mỹ thuật với nội dung học tập của một số môn học khác như: Tiếng Việt, Lịch sử và Địa lý, Đạo đức, Khoa học, Toán, Âm nhạc,... giúp phát triển trong học tập. Ví dụ: Bài: 2, 15 – *có thể tích hợp với nội dung môn Lịch sử*

và Địa lí, Đạo đức; Bài 10 – có thể tích hợp với nội dung môn Âm nhạc; Bài: 11, 14,... – có thể tích hợp với nội dung môn Khoa học,...

– DH tích hợp xuyên môn là nội dung DH vượt qua kiến thức và kỹ năng từng môn học, xem xét các vấn đề một cách toàn diện. Trong cách tiếp cận tích hợp xuyên môn, GV tổ chức chương trình học tập xoay quanh các vấn đề và mối quan tâm của HS, gia đình, xã hội; giúp HS phát triển các kỹ năng sống và áp dụng vào ngữ cảnh thực tế của cuộc sống.

Trong DH nội dung SGK Mĩ thuật 4 – Cánh diều, nội dung nhiều bài học trong sách có thể kết hợp giáo dục một số vấn đề trong đời sống, như: *ý thức tiết kiệm, bảo vệ môi trường, tham gia giao thông, ... ý thức, trách nhiệm trong việc giữ gìn, bảo vệ di sản thiên nhiên, phát huy nét văn hoá, nghệ thuật, ẩm thực, lễ hội truyền thống và những giá trị của lao động trong đời sống ở gia đình, quê hương, đất nước.*

**Vận dụng DH mở, DH cá thể hoá hoạt động học của HS và DH phân hoá:*

Là cách tiếp cận DH hướng đến phát triển phẩm chất, năng lực HS.

Nếu DH mở nhấn mạnh đến việc mở rộng tiếp cận nội dung DH, giải quyết vấn đề/nhiệm vụ học tập bằng nhiều cách/nhiều con đường khác nhau và cùng hướng đến mục tiêu; thì DH cá thể hoá hoạt động của HS cho phép tổ chức các hoạt động học tập đề cao tính độc lập, chủ động của HS trong học tập (cá nhân, nhóm); DH phân hoá là hướng đến thiết kế đa dạng mức độ, nhiệm vụ học tập để phù hợp với khả năng, phong cách học,... khác nhau của nhiều HS và cho phép HS (cá nhân, nhóm) được chọn cách học/cách giải quyết vấn đề theo sở thích, phù hợp với bản thân. Như vậy, có thể nói: DH mở, DH cá thể hoá hoạt động của HS và DH phân hoá là những “mắt xích” trong chuỗi tiến trình tổ chức các hoạt động DH hướng đến phát triển năng lực HS.

Trong DH nội dung SGK Mĩ thuật 4 – Cánh diều, GV có nhiều thuận lợi trong DH mở, DH cá thể hoá hoạt động của HS và DH phân hoá, bởi mỗi bài học trong sách được thiết kế theo hướng mở như sau:

HS tiếp cận kiến thức từ các kênh khác nhau như: thông qua hình ảnh trong tự nhiên, trong đời sống và trong nghệ thuật (sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật); tìm hiểu một số cách vận dụng kiến thức vào thực hành, sáng tạo sản phẩm.

HS thực hành/giải quyết vấn đề, nhiệm vụ học tập: Mỗi bài học trong sách, HS được biết nhiều cách/hình thức thực hành, sáng tạo sản phẩm. Hay nói cách khác là HS sẽ biết nhiều hơn một cách vận dụng kiến thức đã biết vào thực hành, sáng tạo, nghĩa là biết nhiều con đường để đi đến mục tiêu. Nhờ đó, HS sẽ được khám phá, trải nghiệm nhiều hơn trong học mĩ thuật và kích thích hứng thú, khả năng tư duy độc lập, sáng tạo ở HS trong học tập.

GV được chủ động xây dựng ý tưởng tổ chức HS học cá nhân, học nhóm: mỗi bài học trong sách tạo điều kiện để Gv được căn cứ vào điều kiện DH cụ thể của nhà trường và việc chuẩn bị học tập, khả năng làm việc (cá nhân, nhóm) của HS ở mỗi lớp và quyết định tổ chức HS học cá nhân hay học nhóm (quy mô nhóm lớn, nhỏ) một cách phù hợp, tạo được hiệu quả trong DH.

**DH hướng đến sự phù hợp với những phong cách học và phát triển trí thông minh ở HS*

Trong DH việc phối hợp, sử dụng linh hoạt các phương pháp, kỹ thuật DH và các hình thức tổ chức học tập phù hợp với nội dung, điều kiện DH cụ thể (đối tượng HS, địa điểm, không gian DH,...), là hướng đến huy động kiến thức, kinh nghiệm và kích thích HS: *Sáng tạo từ quan sát; Sáng tạo từ trí nhớ; Sáng tạo từ tưởng tượng.* Trong lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động DH, GV có thể tham khảo và vận dụng một số

phong cách học² (*Phong cách học toàn diện, Phong cách học theo thứ tự, Phong cách học linh hoạt*; kết hợp vận dụng các giác quan (thính giác, thị giác, xúc giác, tri giác) và phát triển trí thông minh ở HS (*Trí thông minh về ngôn ngữ; Trí thông minh về logic – toán học; Trí thông minh về âm nhạc; Trí thông minh về hình ảnh không gian; Trí thông minh về vận động thể chất; Trí thông minh về tương tác cá nhân; Trí thông minh về nội; Trí thông minh về thiên nhiên*).

2.3. Thiết bị dạy học môn Mỹ thuật lớp 4

2.3.1. Thiết bị dạy học trang bị trong Phòng học bộ môn (Theo Thông tư số 43/2020/TT-BGDĐT, ngày 03/11/2020 của Bộ GD&ĐT)

- Giá vẽ, bảng học nhóm, bảng cá nhân, kẹp giấy.
- Màu goát, bút lông, palét, xô rửa bút, tạp dề.
- Đất nặn, bộ công cụ thực hành với đất nặn.
- Các hình khối cơ bản,...

2.3.2. Thiết bị dạy học của một số môn học/hoạt động giáo dục khác có thể sử dụng trong dạy học môn Mỹ thuật 4

Trong DH Mỹ thuật lớp 4, GV có thể sử dụng một số thiết bị DH của một số môn học khác, như:

- Môn Đạo đức: bộ tranh: về yêu thương gia đình, về quê hương, về Tổ quốc Việt Nam, về biết ơn người lao động những người có công với nước,...
- Môn Lịch Sử và Địa lí: bộ tranh về một số địa danh lịch sử địa lí trên đất nước Việt Nam.
- Môn Toán: bộ thiết bị về hình thang, hình bình hành, hình thoi, khối chữ nhật,...
- Môn Âm nhạc: một số nhạc cụ trong học tập và biểu diễn nghệ thuật,...

2.3.3. Thiết bị dạy học giáo viên có thể tự chuẩn bị và sử dụng trong dạy học

– GV nên sưu tầm hoặc tự làm đồ dùng DH (*sản phẩm/tác phẩm mỹ thuật, ảnh/video clip hoặc vật thật,...*). Những hình ảnh/video clip hoặc vật thật/vật liệu (trong tự nhiên, trong đời sống) và các sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật (của HS/thiếu nhi, họa sĩ, nghệ nhân) sử dụng và bổ sung cần lựa chọn có tính điển hình, gần gũi, quen thuộc với HS, thể hiện rõ kiến thức trọng tâm của bài học. Nên ưu tiên lựa chọn các sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật, đồ dùng thủ công có ở địa phương hoặc liên quan đến địa phương, góp phần khơi dậy ở HS niềm tự hào về quê hương, đất nước, bồi dưỡng ở ý thức trách nhiệm trong việc giữ gìn, phát huy những giá trị văn hóa, nghệ thuật, lao động nghề nghiệp,... truyền thống của gia đình, quê hương,... trong đời sống.

– GV khai thác một số ứng dụng của thiết bị công nghệ như: điện thoại, máy ảnh (nếu có) để lưu giữ hình ảnh sản phẩm của HS, làm tư liệu phục vụ DH.

– Ngoài phòng học bộ môn hoặc lớp học thông thường, nếu điều kiện cho phép, GV có thể tổ chức HS học tập ở ngoài lớp học/trường học như: sân trường, vườn trường, phòng truyền thống, nhà tập đa năng, bảo tàng, nhà lưu niệm, làng nghề,... hoặc kết hợp tổ chức với các môn học khác.

2.4. Đánh giá kết quả giáo dục

2.4.1. Yêu cầu chung

² Theo *Lí thuyết giáo dục về giảng dạy Mỹ thuật* của tác giả Kirster Fugli, Đại học Sealand – Đan Mạch, 2009; *Tài liệu dạy học Mỹ thuật dành cho giáo viên tiểu học*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Dự án Saeps, Nhà xuất bản giáo dục, 2016.

- GV vận dụng Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT để thực hiện đánh giá HS.
- Đối tượng đánh giá: là việc chuẩn bị bài, quá trình học tập, rèn luyện và sản phẩm thực hành của HS.
- Trong đánh giá: không nên coi trọng mức độ HS hoàn thành sản phẩm, không nên so sánh giữa HS này với HS khác hoặc giữa các nhóm HS. Đánh giá cần dựa trên năng lực và chính sự tiến bộ của HS (cá nhân/nhóm) trong quá trình học tập; đánh giá để giúp HS cải thiện kết quả học tập, kích thích hứng thú và nuôi dưỡng cảm xúc thẩm mỹ, tình yêu nghệ thuật; cũng như bảo đảm nguyên tắc HS được bộc lộ, thể hiện phẩm chất, năng lực mỹ thuật; hạn chế tối đa tính chủ quan, áp đặt của người đánh giá.

2.4.2. Nội dung, phương pháp đánh giá

- Đánh giá quá trình học tập, sự tiến bộ và kết quả học tập của HS theo mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về năng lực mỹ thuật nêu trong chương trình lớp 4 và những biểu hiện cụ thể về phẩm chất, năng lực chung, năng lực đặc thù khác phù hợp với nội dung bài học và đặc thù môn học, thống nhất theo yêu cầu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.
- Sử dụng đa dạng các phương pháp đánh giá qua quan sát, nhật kí ghi chép quá trình học tập của HS; đánh giá qua sản phẩm (ý tưởng, kiến thức, kĩ năng); đánh giá qua trao đổi, phỏng vấn/hỏi đáp để thu thập thông tin và đưa ra nhận xét, gợi ý, giúp đỡ HS kịp thời; đánh giá qua bài viết/tự luận có nội dung ngắn, gọn, ít từ như: giới thiệu sản phẩm, liên hệ ứng dụng sản phẩm, bày tỏ cảm xúc về sản phẩm và nội dung chủ đề,... từ đó làm cơ sở để vận dụng đánh giá mức độ đạt được về các nội dung giáo dục cần đánh giá.

IV. GIỚI THIỆU GIÁO ÁN MINH HOẠ VÀ PHÂN TÍCH

1. Một số yêu cầu của kế hoạch dạy học/giáo án trong dạy học hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực học sinh

KHDDH/giáo án là kịch bản tổ chức DH của mỗi GV đối với đối tượng HS và nội dung DH cụ thể trong một điều kiện và không gian, thời gian DH cụ thể,... Vì vậy, giáo án là sản phẩm của cá nhân, việc trình bày giáo án như thế nào. (Ví dụ: số cột dọc, độ dài/ngắn, số mục,...) là tùy vào mỗi người soạn hoặc thống nhất của đơn vị. Không có giáo án mẫu sử dụng chung cho tất cả GV.

Bên cạnh đó, khi xây dựng KHDDH/thiết kế các hoạt động DH, GV cần lưu ý một số điểm sau:

- *Yêu cầu cần đạt/Mục tiêu bài học*: năng lực mỹ thuật (kiến thức, kĩ năng trọng tâm), năng lực chung, năng lực đặc thù khác và phẩm chất chủ yếu (nêu một số biểu hiện chính, phù hợp với nội dung bài học).
- *Nội dung DH*: xác định trọng tâm kiến thức của bài học (*đậm nhạt của màu/màu nóng, màu lạnh/mật độ của chấm, nét/không gian xa, gần,...*).

Các chủ đề: Thiên nhiên, Con người, con vật,... là “chất liệu/ngữ liệu” để khám phá, tìm hiểu, nhận biết kiến thức mỹ thuật và sử dụng kiến thức, kĩ năng để mô phỏng/tái hiện,... nội dung các chủ đề; đồng thời làm “chỗ dựa” để liên hệ, bồi dưỡng phẩm chất ở HS.

– *Thiết kế các hoạt động DH (quan sát, nhận biết; thực hành, sáng tạo, thảo luận; cảm nhận, chia sẻ, đánh giá,...)*: phải nhất quán với mục tiêu bài học. Mỗi nhiệm vụ học tập, cần bảo đảm một số yêu cầu sau:

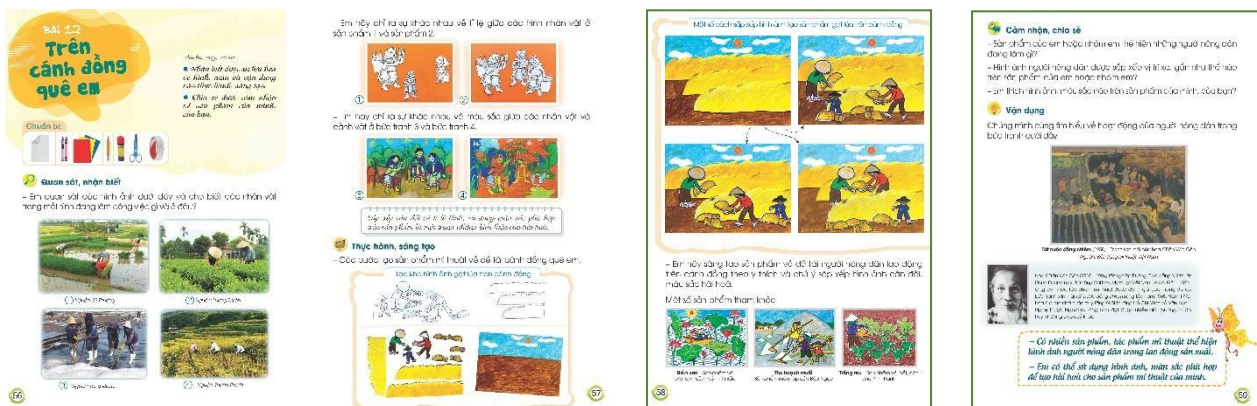
- + Giao nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể, phù hợp với hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm (lớn, nhỏ) và thời gian thực hiện.
- + Tổ chức HS trình bày/chia sẻ, nhận xét câu trả lời, ý kiến của bạn và có thể bổ sung (HS tự đánh giá, tham gia đánh giá,...).
- + Tóm tắt, nhận xét câu trả lời, ý kiến bổ sung của HS (thực hiện đánh giá thường xuyên).

+ Tổng hợp kiến thức, nội dung chính của hoạt động.

2. Giới thiệu kế hoạch dạy học/giáo án nội dung bài học cụ thể và phân tích (Sử dụng phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, thực hiện đánh giá,... hướng đến đạt mục tiêu bài học/yêu cầu của chương trình)

BÀI 12. TRÊN CÁNH ĐỒNG QUÊ EM

(2 tiết)



I. MỤC TIÊU/YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực mỹ thuật

Bài học giúp HS đạt được một số yêu cầu cần đạt sau:

– Nhận biết hình ảnh cân đối, màu sắc hài hoà ở một số sản phẩm mỹ thuật. Bước đầu biết được công việc lao động, sản xuất của một số nghề đặc trưng ở một số vùng miền.

– Tạo được sản phẩm về đề tài trên cánh đồng quê em có hình ảnh, màu sắc cân đối, hài hoà và trao đổi, chia sẻ trong thực hành.

– Trưng bày, giới thiệu được sản phẩm và trao đổi, chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình, của bạn.

2. Năng lực chung và năng lực đặc thù khác

Bài học giúp HS có cơ hội hình thành, phát triển năng lực chung và một số năng lực đặc thù khác, như: ngôn ngữ, tính toán,... *thông qua: trao đổi, chia sẻ; vận dụng hiểu biết về công việc lao động, sản xuất của ngành nghề yêu thích vào tạo sản phẩm; biết xác định vị trí của một số hình ảnh chính, hình ảnh phụ ở sản phẩm,...*

3. Phẩm chất

Bài học giúp HS hình thành, phát triển đức tính chăm chỉ, lòng nhân ái, tinh thần trách nhiệm,... thông qua một số biểu hiện như: *chuẩn bị đồ dùng học tập; yêu mến người lao động, không phân biệt giữa các ngành nghề khác nhau, quý trọng giá trị của lao động mang lại cho cuộc sống; giữ vệ sinh trong và sau khi thực hành,...*

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

Màu vẽ, giấy màu, vở thực hành, bút chì, tẩy chì, kéo, hồ dán/băng dính.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

Tiết 1

Mở đầu: Tổ chức HS tham gia trò chơi “Ai nhanh, ai đúng” (khoảng 3 phút)
1. Quan sát, nhận biết – Hình thành kiến thức mới (khoảng 7 phút) – GV hướng dẫn HS quan sát hình 1, 2, 3, 4 (trang 56 SGK) và trả lời câu hỏi: + Các nhân vật ở trong mỗi bức hình đang làm công việc gì, ở đâu? + Ngoài hình ảnh các nhân vật còn có những hình ảnh nào khác ở trong mỗi bức hình? + Màu sắc nổi bật ở mỗi bức hình? – GV hướng dẫn HS quan sát hình 1, 2, 3, 4 (trang 57 SGK) và trả lời câu hỏi: + Em hãy chỉ ra sự khác nhau về tỉ lệ giữa các hình nhân vật ở sản phẩm 1 và sản phẩm 2. + Em hãy chỉ ra sự khác nhau về màu sắc ở sản phẩm 3 và sản phẩm 4. – Nhận xét nội dung trả lời, chia sẻ, bổ sung của HS và giới thiệu rõ hơn về mỗi hình 1, 2, 3, 4 (trang 57 SGK). – GV gọi nhắc kiến thức (kết hợp nội dung kết luận trang 57 SGK).
2. Thực hành, sáng tạo (khoảng 20 phút) 2.1. Tổ chức học sinh tìm hiểu cách tạo kho hình ảnh gặt lúa trên cánh đồng (trang 57 SGK) – GV yêu cầu HS quan sát, thảo luận, trả lời câu hỏi: + Kho hình ảnh gồm có những hình ảnh, chi tiết nào? + Giới thiệu màu sắc của các hình ảnh, chi tiết có ở kho hình ảnh. + Nêu cách tạo các hình ảnh, chi tiết có trong kho hình ảnh. – GV đánh giá nội dung chia sẻ, nhận xét,... của HS; hướng dẫn HS thực hành tạo kho hình ảnh. 2.2. Tổ chức học sinh thực hành, thảo luận – GV tổ chức HS làm việc nhóm, giao nhiệm vụ: Tạo kho hình ảnh của nhóm về công việc lao động yêu thích. – GV gợi ý HS một số hoạt động lao động ở quê hương, như: gặt lúa, cấy lúa, hái chè,...; thu hoạch trái cây (cà phê, cam, bưởi, thanh long, nhãn, dưa hấu,...), thu hoạch rau củ (cà chua, bắp cải, ngô, khoai,...), trồng và chăm sóc cây, rau, hoa,... – GV hướng dẫn HS làm việc nhóm, tạo sản phẩm cá nhân; gợi mở HS có thể biểu đạt hình dáng cơ thể ở một số động tác lao động làm “mẫu” để thực hành.

– Gv quan sát, nắm bắt tiến độ thực hiện nhiệm vụ của HS và hướng dẫn, có thể hỗ trợ.
3. Cảm nhận, chia sẻ (khoảng 5 phút)
– GV tổ chức HS trưng bày sản phẩm và quan sát, giới thiệu, chia sẻ, trả lời câu hỏi: + Em đã tạo được hình ảnh, chi tiết nào? + Em tạo sản phẩm bằng cách nào? + Em thích nhất hình ảnh, chi tiết nào ở sản phẩm của các bạn trong nhóm? + Hình ảnh, chi tiết của các bạn đã tạo được có phù hợp với chủ đề của nhóm không? – GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hành, trao đổi, chia sẻ,... của HS. Nhắc HS bảo quản sản phẩm và mang đến lớp vào tiết 2 của bài học để hoàn thiện sản phẩm nhóm.
4. Vận dụng (khoảng 2 phút)
– GV gọi mở HS chia sẻ mong muốn tạo thêm hình ảnh hoặc chi tiết nào cho chủ đề của nhóm? – GV hướng dẫn HS chuẩn bị học tiết 2 của bài học.

Tiết 2

Mở đầu: Vận dụng trò chơi “Cờ người” (khoảng 3 phút)
1. Quan sát, nhận biết – Củng cố kiến thức tiết 1 (khoảng 7 phút)
– GV tổ chức HS quan sát một số hình ảnh lao động trên cánh đồng, sản phẩm tham khảo (trang 58 SGK), sản phẩm minh họa trong vở thực hành. Yêu cầu HS trao đổi, trả lời câu hỏi: + Các nhân vật trong mỗi hình ảnh/sản phẩm đang làm công việc gì? + Hình ảnh, chi tiết nào là chính, phụ ở mỗi hình ảnh/sản phẩm? + Vị trí xa, gần của một số hình nhân vật ở một số hình ảnh/sản phẩm? + Hình ảnh/sản phẩm nào có sự khác biệt về tỉ lệ của các nhân vật/chi tiết? + Sản phẩm nào có màu sắc hài hoà, thể hiện rõ hình ảnh chính? – GV tóm tắt, nhận xét nội dung chia sẻ, bổ sung,... của HS; giới thiệu các hình ảnh, sản phẩm, sự hài hoà về tỉ lệ của hình ảnh các nhân vật và sử dụng màu sắc ở sản phẩm. – GV tóm tắt nội dung quan sát; nhắc HS: Có nhiều cách sắp xếp vị trí các nhân vật cho một công việc lao động cụ thể – GV nhắc lại nội dung chính ở tiết 1, gọi mở nhiệm vụ thực hành ở tiết 2.
2. Thực hành, sáng tạo (khoảng 18 phút)
2.1. Tổ chức học sinh tìm hiểu một số cách sắp xếp hình ảnh tạo sản phẩm gặt lúa trên cánh đồng (trang 58 SGK) – GV yêu cầu HS quan sát, thảo luận, trả lời câu hỏi: + Em hãy nêu sự khác nhau về sắp xếp các hình ảnh, chi tiết từ kho hình ảnh (trang 57 SGK) và cách sắp xếp hình ảnh trên mỗi sản phẩm (trang 58 SGK).

+ Em hãy nêu hình ảnh/chi tiết nào sắp xếp trước; hình ảnh/chi tiết nào sắp xếp sau để hoàn thiện sản phẩm? – GV đánh giá nội dung chia sẻ, nhận xét,... của HS; hướng dẫn, giải thích cách sắp xếp các hình ảnh, chi tiết tạo sản phẩm hoàn thiện.
2.2. Tổ chức học sinh thực hành, thảo luận – GV tổ chức HS làm việc nhóm, giao nhiệm vụ: Sắp xếp các sản phẩm đơn lẻ trong kho hình ảnh đã tạo được để hoàn thiện sản phẩm đề tài trên cánh đồng quê em của nhóm. – GV hướng dẫn các nhóm HS làm việc: thảo luận, sắp xếp vị trí các hình ảnh, chi tiết và có thể bổ sung thêm hình ảnh, chi tiết khác để sản phẩm sinh động hơn,... – GV gợi mở các nhóm HS có thể sắp xếp các hình ảnh theo những cách khác nhau để có các sản phẩm cùng chủ đề nhưng khác nhau về vị trí các hình ảnh. – GV quan sát, nắm bắt ý tưởng, cách thực hiện của các nhóm, có thể gợi mở, hướng dẫn và hỗ trợ.
3. Cắm nhận, chia sẻ (khoảng 6 phút)
– GV tổ chức các nhóm HS trưng bày sản phẩm và quan sát, thảo luận, giới thiệu, trả lời câu hỏi: + Tên sản phẩm của nhóm em là gì? + Các hình ảnh, chi tiết trên sản phẩm của nhóm em thể hiện hoạt động lao động nào? + Các nhân vật đang làm gì? Có những vật dụng nào hỗ trợ cho hoạt động của các nhân vật? + Hình ảnh các nhân vật, đồ vật được sắp xếp vị trí xa, gần như thế nào? Màu sắc nóng hay màu lạnh được dùng nhiều ở sản phẩm,...? + Em thích sản phẩm của nhóm nào nhất? Vì sao? – GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hành, trao đổi, chia sẻ,... của HS.
4. Vận dụng (khoảng 3 phút)
– GV tổ chức HS quan sát hình bức tranh “Tát nước đồng chiêm” và đọc một số thông tin về họa sĩ Trần Văn Cẩn (trang 59 SGK). Câu hỏi gợi mở: + Những người nông dân đang làm công việc gì? + Vị trí xa, gần của những người nông dân trong tranh như thế nào? + Tư thế động tác, dáng người của những người nông dân giống hay khác nhau? Giống/khác nhau như thế nào? + Vật dụng nào được người nông dân sử dụng để tát nước? + Bức tranh được sáng tạo bằng chất liệu nào? Bức tranh có màu nào đậm nhất, màu nào nhạt nhất? + Em đã biết công việc lao động này chưa? – GV tóm tắt nội dung chia sẻ của HS; giới thiệu vài nét về bức tranh và họa sĩ Trần Văn Cẩn. – GV tổng kết bài học, gợi nhắc HS: <i>sáng tạo sản phẩm mỹ thuật về đề tài trên cánh đồng quê em là một cách để chúng ta thể hiện tình yêu quê hương, đất nước, quý mến người lao động và tôn trọng các công việc, ngành nghề khác nhau trong đời sống.</i>

V. MỘT SỐ TÀI LIỆU SỬ DỤNG TRONG DẠY HỌC VÀ THAM KHẢO, BỔ TRỢ

1. Tài liệu sử dụng trong dạy học (đồng bộ với nội dung sách giáo khoa)

1.1. Sách giáo viên

a. Đặc điểm

SGV Mĩ thuật 4, có cấu trúc gồm hai phần:

– Phần một: GIỚI THIỆU NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP, ĐỒ DÙNG, THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ CẤU TRÚC MĨ THUẬT 4 – SÁCH GIÁO VIÊN

– Phần hai: HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC CÁC CHỦ ĐỀ, BÀI HỌC

Nội dung Phần hai là những gợi ý tổ chức các hoạt động DH ở mỗi bài học trong SGK.

b. Mục đích

Giúp GV thuận lợi trong thiết kế ý tưởng và tổ chức DH đạt được mục tiêu chủ đề, bài học và yêu cầu của chương trình

c. Đối tượng sử dụng chính

GV, phụ huynh có thể sử dụng để cùng con học mĩ thuật.

d. Hướng dẫn sử dụng trong dạy học

Với mỗi bài học, nội dung hướng dẫn trong SGV gồm:

– *Mục tiêu*: Bao gồm mục tiêu cụ thể về năng lực mĩ thuật, mục tiêu về năng lực chung, năng lực đặc thù khác và phẩm chất với một số biểu hiện cụ thể phù hợp với bài học. GV cần xác định các mục tiêu này là điểm đến/cái đích của tiến trình DH. Đồng thời, GV có thể bổ sung thêm mục tiêu hình thành, phát triển năng lực chung, năng lực đặc thù và phẩm chất khác với những biểu hiện cụ thể gắn với bài học, phù hợp với HS và đời sống, văn hoá tại địa phương.

– *Chuẩn bị*: Là những đồ dùng, vật liệu, họa phẩm,... phù hợp với minh họa các cách thực hành trong SGK. (GV có thể thay đổi hoặc bổ sung).

– *Hoạt động khởi động*: GV có thể tham khảo, vận dụng các gợi ý này hoặc thay đổi, điều chỉnh để phù hợp với ý tưởng DH của bản thân và khả năng thực hiện của HS.

– Nội dung *Tổ chức dạy học*: ở mỗi hoạt động như: Quan sát, nhận biết; Thực hành, sáng tạo; Cảm nhận, chia sẻ; Vận dụng có cấu trúc như sau:

+ *Mục tiêu*: yêu cầu cần đạt của hoạt động và thống nhất với mục tiêu bài học

+ *Gợi ý dạy học*: gợi ý hướng tổ chức DH sát với nội dung hoạt động trong SGK (cách tổ chức, câu hỏi dành cho HS,...) hướng đến đạt mục tiêu bài học.

+ *Gợi ý mở rộng*: Gợi mở thêm ý tưởng dạy – học, mở rộng, phát triển nội dung hoạt động,... (Ví dụ: sử dụng đồ dùng trực quan, vận dụng hình thức tổ chức DH, hình thức thực hành, chất liệu, vật liệu khác, cách trưng bày sản phẩm, liên hệ với thực tiễn, bồi dưỡng phẩm chất,...) nhằm tăng thúc đẩy hứng thú, ý tưởng sáng tạo,... ở HS.

1.2. Vở thực hành

a. Đặc điểm

Là hệ thống bài tập tương ứng với nội dung chủ đề, bài học trong SGK.

b. Mục đích

Giúp HS củng cố, luyện tập kiến thức, kỹ năng đã biết ở các bài học trong SGK và học tốt môn Mỹ thuật lớp 4.

c. Đối tượng sử dụng

GV, HS (Phụ huynh có thể cùng con học mỹ thuật).

d. Hướng dẫn sử dụng trong dạy học

- HS sử dụng song song với SGK với sự hướng dẫn của GV.
- GV có thể linh hoạt tổ chức, hướng dẫn HS thực hiện dựa trên sự chuẩn của HS và phù hợp với mục tiêu bài học.

1.3. Một số video clip minh họa

a. Đặc điểm

Nội dung minh họa cách thực hành một số nội dung trong SGK, thời lượng khoảng 2 phút/clip.

b. Mục đích

Hỗ trợ GV trong hướng dẫn HS thực hành, sáng tạo sản phẩm.

c. Đối tượng sử dụng

GV, HS, (phụ huynh có thể tham khảo và cùng con học mỹ thuật).

d. Hướng dẫn sử dụng trong dạy học

- GV có thể trình chiếu trên lớp hoặc DH online.
- GV có thể hướng dẫn HS xem ở nhà và chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- GV có thể cắt phần lồng tiếng, chỉ giữ lại phần hình ảnh minh họa hoặc điều chỉnh, bổ sung, thay thế,... để phù hợp với ý tưởng DH.

2. Tài liệu tham khảo, bổ trợ và địa chỉ kết nối giáo viên với tác giả sách

2.1. Hướng dẫn dạy học môn Nghệ thuật tiểu học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018, phần Mỹ thuật, (Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, 2019. Các tác giả: Nguyễn Thị Đông, Phạm Đình Bình, Nguyễn Hải Kiên).

a. Đặc điểm

Nội dung trọng tâm: Giới thiệu chương trình môn Mỹ thuật 2018 và hướng dẫn DH theo yêu cầu của chương trình cấp tiểu học.

b. Mục đích

- Giúp GV hiểu rõ hơn về Chương trình môn Mỹ thuật 2018 và chương trình cấp tiểu học về: nội dung, thời lượng DH, yêu cầu cần đạt, phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả trong DH.
- Giúp GV hiểu thêm về tổ chức DH, đánh giá kết quả giáo dục phù hợp với yêu cầu cần đạt của chương trình cấp tiểu học.

c. Đối tượng sử dụng chính

Giáo viên

d. Hướng dẫn sử dụng

GV có thể tham khảo và vận dụng vào DH.

2.2. Group sách giáo khoa Mỹ thuật Cánh điều cấp tiểu học

a. Đặc điểm

Group được lập theo hình thức “nhóm kín”.

b. Mục đích

Là nơi để GV và tác giả SGK cùng trao đổi, chia sẻ về DH nội dung sách Mỹ thuật – Cánh điều, cấp tiểu học.

c. Đối tượng tham gia

GV sử dụng SGK Mỹ thuật – Cánh điều và GV DH Mỹ thuật trên toàn quốc.

d. Hướng dẫn tham gia

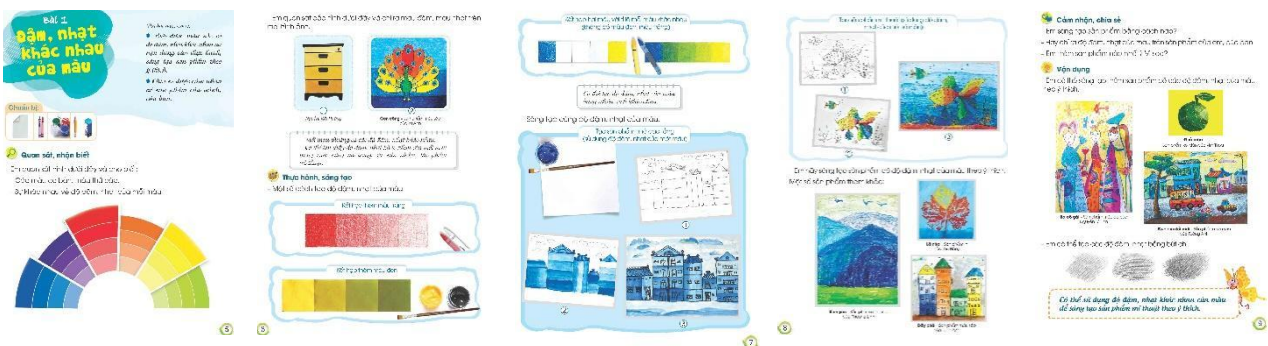
GV gửi yêu cầu tham gia (nếu muốn).

VI. GỢI Ý TỔ CHỨC DẠY HỌC BÀI HỌC TRONG SÁCH GIÁO KHOA MĨ THUẬT 4 VÀ ĐÁNH GIÁ TRONG DẠY HỌC

A. Gợi ý một số hướng tổ chức dạy học

BÀI 1. ĐẬM, NHẠT KHÁC NHAU CỦA MÀU

(2 tiết)



I. MỤC TIÊU/YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực mỹ thuật

Bài học giúp HS đạt được một số yêu cầu cần đạt sau:

– Biết được màu sắc có các độ đậm, nhạt khác nhau và cách tạo độ đậm nhạt của màu, tạo sản phẩm theo ý thích; thấy được vẻ đẹp của hình ảnh trong tự nhiên, đời sống và sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật có các độ đậm, nhạt của màu.

- Tạo được độ đậm, nhạt của màu và sản phẩm theo ý thích; trao đổi, chia sẻ trong thực hành.
- Trưng bày, giới thiệu được sản phẩm (nội dung, độ đậm nhạt của màu,...) và trao đổi, chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình, của bạn.

2. Năng lực chung và năng lực đặc thù khác

Bài học giúp HS có cơ hội hình thành, phát triển năng lực chung và một số năng lực đặc thù như: ngôn ngữ, khoa học,... thông qua: *trao đổi, chia sẻ; biết chuẩn bị đồ dùng học tập và sử dụng được công cụ, họa*

phẩm, ... phù hợp với hình thức thực hành tạo sản phẩm; biết được độ đậm nhạt của màu có thể bắt gặp trong tự nhiên, đời sống xung quanh, ...

3. Phẩm chất

Bài học giúp HS có cơ hội hình thành, phát triển một số phẩm chất như: đức tính chăm chỉ, lòng nhân ái, ý thức trách nhiệm, ... thông qua một số biểu hiện, như: *có ý thức tìm hiểu vẻ đẹp của hình ảnh trong tự nhiên, trong đời sống và sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật, sản phẩm có độ đậm nhạt của màu; tôn trọng sáng tạo của bạn bè và người khác, giữ vệ sinh trong và sau khi thực hành, ...*

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

Màu vẽ, bút chì, tẩy chì, Vở thực hành, ...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU

Phân bổ nội dung DH ở mỗi tiết:

Tiết 1	Cách 1: - Nhận biết: một số độ đậm, nhạt của màu; một số cách tạo độ đậm, nhạt của màu; một số cách tạo sản phẩm có các độ đậm, nhạt của màu. - Thực hành: tạo độ đậm, nhạt của màu theo ý thích. Cách 2: - Nhận biết: một số độ đậm, nhạt của màu; một số cách tạo độ đậm, nhạt của màu. - Thực hành: tạo độ đậm nhạt của màu theo ý thích.
Tiết 2	- Nhận biết: một số cách tạo sản phẩm có độ đậm, nhạt của màu. - Thực hành: tạo sản phẩm về đề tài yêu thích có các độ đậm, nhạt của màu.

Tiết 1

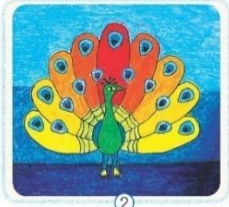
Một số phương án tổ chức DH tiết 1:

Sử dụng số lượng màu để thực hành:

- Sử dụng các màu khác nhau cho mỗi cách thực hành.
- Sử dụng một màu để thực hiện ở ba cách tạo độ đậm, nhạt. (Ví dụ: màu đỏ kết hợp với màu trắng, màu đỏ kết hợp với màu đen, màu đỏ kết hợp với màu vàng).
- Tạo các độ đậm nhạt: 3; 4; 5; ...

Thầy/Cô có phương án nào khác?

Mở đầu: Trò chơi “Thử bạn” (khoảng 3 phút)	
1. Quan sát, nhận biết – Hình thành kiến thức mới (khoảng 7 phút)	
- GV tổ chức HS quan sát, nhận biết độ đậm nhạt của màu (trang 5, 6 SGK) và trả lời câu hỏi: <i>Trang 5, câu hỏi:</i> + Ở lớp 2, lớp 3 các em đã biết màu cơ bản, màu thứ cấp, em hãy đọc tên các màu đó ở hình ảnh. + Em hãy nêu sự khác nhau về độ đậm, nhạt của các màu: xanh lam, tím, đỏ, da cam, vàng, xanh lá. <i>Trang 6, câu hỏi</i>	

+ Em giới thiệu các độ đậm nhạt của màu vàng ở hình ảnh <i>Cái tủ</i>; các độ đậm nhạt của các màu ở sản phẩm <i>Con công</i>. + Em hãy chỉ ra độ đậm nhạt của màu xanh lam, màu đỏ, màu vàng ở sản phẩm <i>Con công</i>. – GV đánh giá nội dung trả lời, chia sẻ, nhận xét, bổ sung của HS và giới thiệu các độ đậm, nhạt của mỗi màu ở hình ảnh (trang 5, 6 SGK); nhấn mạnh kiến thức của bài học.	 ① Nguồn: Việt Hoàng  ② Con công - Sản phẩm màu sáp của Tú Anh – Mỗi màu thường có các độ đậm, nhạt khác nhau. – Có thể tìm thấy độ đậm, nhạt khác nhau của mỗi màu trong cuộc sống và trong các sản phẩm, tác phẩm mỹ thuật.
2. Thực hành, sáng tạo (khoảng 19 phút)	
2.1. Một số cách tạo độ đậm nhạt của màu (trang 6, 7 SGK) – GV tổ chức HS quan sát hình minh họa, clip thực hành và yêu cầu HS trả lời câu hỏi tương ứng với mỗi cách tạo độ đậm, nhạt: + Em hãy nêu cách tạo độ đậm, nhạt của màu đỏ kết hợp thêm màu trắng. + Em hãy nêu cách tạo độ đậm, nhạt của màu vàng kết hợp thêm màu đen. + Em hãy nêu cách tạo độ đậm, nhạt của màu vàng và màu xanh lá cây. – GV đánh giá nội dung chia sẻ, nhận xét, bổ sung của HS; hướng dẫn HS một số cách tạo độ đậm, nhạt của màu.	Kết hợp thêm màu trắng  Kết hợp thêm màu đen  Kết hợp hai màu với tỉ lệ mỗi màu khác nhau (không có màu đen, màu trắng) 
2.2. Tổ chức học sinh thực hành, thảo luận – GV sắp xếp HS theo nhóm và hướng dẫn, giao nhiệm vụ cá nhân: + Thực hành: Tạo độ đậm nhạt của màu (một màu, một số màu). + Quan sát bạn trong nhóm/bên cạnh, chia sẻ ý tưởng của mình với bạn. (Ví dụ: Sử dụng chất liệu màu); đặt câu hỏi cho bạn. (Ví dụ: Bạn thích cách tạo độ đậm nhạt nào?). – GV quan sát, đánh giá mức độ thực hiện nhiệm vụ của HS; kết hợp hướng dẫn, trao đổi, gợi mở,... giúp HS hoàn thành nhiệm vụ tốt hơn.	
3. Cảm nhận, chia sẻ (khoảng 5 phút)	
– GV tổ chức HS trưng bày kết quả thực hành và quan sát; gợi mở HS chia sẻ: + Chất liệu màu nào em đã dùng trong thực hành (màu sáp/màu goát/bút chì màu,...). + Sản phẩm của em có độ đậm, nhạt của màu nào, em hãy giới thiệu các độ đậm nhạt đó. + Sản phẩm của bạn nào thể hiện rõ/chưa rõ các độ đậm nhạt của màu? – GV nhận xét nội dung chia sẻ, kết quả thực hành, trao đổi và sự chuẩn bị bài học của HS.	
4. Vận dụng (khoảng 1 phút)	
– GV khích lệ HS quan sát, tìm hiểu vẻ đẹp của hình ảnh/đồ vật,... có độ đậm, nhạt của màu ở xung quanh – GV gợi mở nội dung tiết 2 của bài học và hướng dẫn HS chuẩn bị.	

Tiết 2

Một số phương án tổ chức DH tiết 2:

Phương án 1: Tạo sản phẩm cá nhân về hình ảnh, chủ đề yêu thích.

Phương án 2: Tạo sản phẩm cá nhân phù hợp với chủ đề của nhóm.

Phương án 3: Tạo sản phẩm nhóm theo chủ đề yêu thích của nhóm.

Thầy/Cô có phương án nào khác?

Mở đầu

GV tổ chức HS tham gia hoạt động: “Vẽ tiếp sức” (khoảng 3 phút)

1. Quan sát, nhận biết – Củng cố kiến thức tiết 1 (khoảng 5 phút)

– GV tổ chức HS quan sát sản phẩm thực hành ở tiết 1, hình sản phẩm mỹ thuật trong Vở thực hành và hình ảnh sưu tầm. Yêu cầu HS trao đổi, trả lời câu hỏi:

+ Sản phẩm nào thể hiện độ đậm nhạt của một màu, đó là màu nào?

+ Sản phẩm nào thể hiện độ đậm nhạt của một số màu, đó là những màu nào?

– GV tóm tắt nội dung chia sẻ, nhận xét, bổ sung của HS và giới thiệu nội dung, độ đậm nhạt của màu ở sản phẩm, ở hình ảnh sưu tầm; nhắc lại kiến thức trọng tâm của bài học; gợi mở nội dung thực hành.



2. Thực hành, sáng tạo (khoảng 22 phút)

2.1. Cách sáng tạo sản phẩm có độ đậm, nhạt của màu (trang 7, 8 SGK)

– GV yêu cầu HS quan sát, trả lời câu hỏi tương ứng với mỗi cách thực hành:

+ Bức tranh nhà cao tầng có độ đậm, nhạt của màu nào? Em hãy nêu cách vẽ bức tranh này.

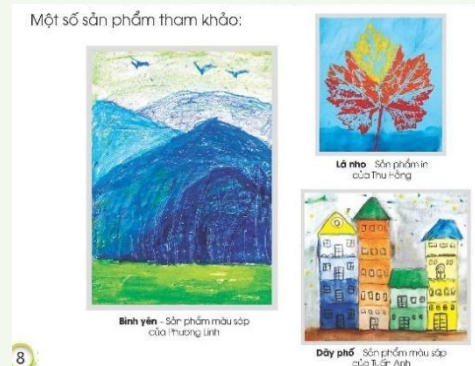
+ Bức tranh cá vàng có độ đậm nhạt của những màu nào? Em hãy nêu cách vẽ bức tranh này.

– GV đánh giá nội dung trả lời, nhận xét, bổ sung của HS; hướng dẫn HS thực hành, sáng tạo sản phẩm.



2.2. Tổ chức học sinh thực hành, thảo luận

- GV sắp xếp HS theo nhóm và giao nhiệm vụ cá nhân:
- + Thực hành: Tạo sản phẩm có các độ đậm, nhạt của màu theo ý thích (một màu hoặc một số màu).
- + Quan sát bạn trong nhóm/bên cạnh, chia sẻ ý tưởng của mình với bạn. (Ví dụ: Chọn chủ đề/hình ảnh để vẽ, chọn màu để vẽ độ đậm nhạt ở hình ảnh,...), đặt câu hỏi cho bạn. (Ví dụ: Bạn vẽ hình ảnh gì và chọn màu nào để vẽ hình ảnh đó?).
- GV gợi mở hình ảnh thể hiện, sử dụng màu:
- + Có thể vẽ hình ảnh: con cá, con cua, con tôm, ngọn núi, cây, ngôi nhà, bông hoa,...
- + Chọn màu theo ý thích để vẽ các độ đậm, nhạt ở sản phẩm.
- GV hướng dẫn HS quan sát và tham khảo thêm một số sản phẩm (trang 8 SGK).
- GV quan sát, đánh giá mức độ thực hiện nhiệm vụ của HS; kết hợp gợi mở, hướng dẫn, phỏng vấn và có thể hỗ trợ HS.



3. Cảm nhận, chia sẻ (khoảng 5 phút)

- GV tổ chức HS trưng bày sản phẩm, yêu cầu HS quan sát và trả lời câu hỏi:
- + Tên sản phẩm của em là gì?
- + Trên sản phẩm của em có các độ đậm, nhạt của một màu hay nhiều màu, là màu nào?
- + Em thích hình ảnh hoặc sản phẩm của bạn nào nhất? Vì sao?
- GV đánh giá nội dung trao đổi, chia sẻ, nhận xét và kết quả thực hành của HS.

4. Vận dụng (khoảng 3 phút)

- GV hướng dẫn HS quan sát và trả lời câu hỏi:
- + Em hãy giới thiệu hình ảnh ở mỗi sản phẩm.
- + Trên mỗi sản phẩm có độ đậm, nhạt của màu nào?
- + Em chỉ ra độ đậm nhất, đậm vừa và nhạt nhất ở hình minh họa độ đậm, nhạt bằng bút chì.
- GV tóm tắt nội dung chia sẻ của HS; tổng kết bài học; khích lệ HS tạo thêm sản phẩm.
- Hướng dẫn HS chuẩn bị Bài 2.



B. Thực hiện đánh giá trong dạy học

1. Căn cứ đánh giá

– Yêu cầu cần đạt trong chương trình lớp 4 được cụ thể trong nội dung bài học: “Vận dụng được độ đậm, nhạt của màu trong thực hành, sáng tạo” và biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực mỹ thuật: Quan sát, nhận biết; Thực hành, sáng tạo; Cảm nhận, chia sẻ của HS trong tiến trình học tập.

– Một số biểu hiện về phẩm chất, năng lực cốt lõi, năng lực đặc thù khác phù hợp với nội dung bài học và thể hiện trong quá trình học tập.

2. Nội dung đánh giá

– Đánh giá quá trình học tập và kết quả học tập đáp ứng yêu cầu cần đạt, biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực kĩ thuật theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học và chương trình lớp 4.

– Đánh giá sự hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực (cốt lõi, đặc thù khác) của HS.

3. Phương pháp đánh giá

– Sử dụng phương pháp quan sát, nhận xét hoặc sổ ghi chép,...

– Sử dụng phương pháp vấn đáp/phỏng vấn.

– Sử dụng phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập (chuẩn bị đồ dùng, hoạ phẩm, SGK, Vở thực hành,...) và sản phẩm của HS (sản phẩm thực hành, kết quả thảo luận, trả lời câu hỏi,...).

4. Thực hiện đánh giá

Có thể vận dụng các mức độ đánh giá theo thông tư 27/2020/TT-BGDĐT:

– *Mức hoàn thành tốt*: chuẩn bị đủ đồ dùng học tập phù hợp với hướng dẫn của GV. Tạo được sản phẩm thể hiện độ đậm, nhạt của màu (một màu hoặc một số màu); chia sẻ ý kiến (suy nghĩ, trả lời câu hỏi, trao đổi với bạn, nhận xét, nêu cảm nhận về sản phẩm, liên hệ bài học với thực tiễn,...); giữ vệ sinh trong và sau khi thực hành, tôn trọng sản phẩm của bạn bè.

– *Mức hoàn thành*: chuẩn bị đồ dùng học tập tương đối phù hợp với hướng dẫn của GV về nội dung bài học. Tạo được sản phẩm có thể hiện tương đối rõ độ đậm, nhạt của màu (một màu hoặc một số màu) ở mức độ đơn giản; chia sẻ ý kiến (trả lời câu hỏi hoặc trao đổi, chia sẻ cảm nhận về sản phẩm, liên hệ bài học với thực tiễn,...); có ý thức giữ vệ sinh trong và sau khi thực hành, tôn trọng sản phẩm của bạn bè.

– *Mức chưa hoàn thành*: chuẩn bị đồ dùng học tập chưa đầy đủ theo hướng dẫn của GV về nội dung bài học. Chưa tạo được sản phẩm hoặc sản phẩm tạo được không thể hiện độ đậm, nhạt của màu. Không tham gia trao đổi hoặc trả lời câu hỏi, nhận xét, chia sẻ cảm nhận về sản phẩm,...; không có ý thức giữ vệ sinh trong và sau khi thực hành,...